



Các chuẩn mực về minh bạch của APEC trong hoạt động mua sắm công ở Việt Nam

Cần đưa Luật pháp vào Thực tiễn



TRANSPARENCY INTERNATIONAL | USA



TOWARDS
TRANSPARENCY

© Tổ chức Minh bạch Quốc tế - Hoa Kỳ và Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế
Những quan điểm nêu trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm riêng của người nghiên cứu.

Trưởng nhóm nghiên cứu: Đặng Chiến Thắng, MBIS., MSc.

Biên tập viên: Laura B. Sherman (TI-USA), Anna Nadgrodiewicz (CIPE), Matthieu Salomon (TT)

Thiết kế: Joshua Maki

Các chuẩn mực về minh bạch của APEC trong hoạt động mua sắm công ở Việt Nam

Cần đưa Luật pháp vào Thực tiễn



TRANSPARENCY INTERNATIONAL | USA



TOWARDS
TRANSPARENCY



TRANSPARENCY INTERNATIONAL | USA

Tổ chức Minh bạch Quốc tế- Hoa Kỳ

Tổ chức Minh bạch Quốc tế- Hoa Kỳ (TI-USA) là một tổ chức phi lợi nhuận, phi đảng phái chính trị, được thành lập năm 1993 với mục đích đấu tranh chống tham nhũng trong chính phủ, kinh doanh quốc tế và phát triển. TI-USA thúc đẩy cải cách hệ thống thông qua việc phối hợp với một mạng lưới các văn phòng quốc gia của TI ở gần 100 nước, hợp tác trong các hành động chung cấp cao với chính phủ, khu vực tư nhân và giới chuyên môn trong việc xây dựng công cụ và biện pháp chống tham nhũng. www.transparency-usa.org.



Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế

Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (CIPE) hoạt động với mục tiêu tăng cường dân chủ trên toàn cầu thông qua cải cách doanh nghiệp tư nhân và theo định hướng thị trường. CIPE là một trong bốn tổ chức cốt lõi của Quỹ Quốc gia vì Mục tiêu Dân chủ (National Endowment for Democracy). Từ năm 1983, CIPE đã làm việc với các lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách và báo giới để xây dựng các tổ chức dân sự cần thiết cho một xã hội dân chủ ở trên 100 quốc gia. Các lĩnh vực hoạt động chính của CIPE bao gồm chống tham nhũng, vận động, các hiệp hội doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quản trị dân chủ, tiếp cận thông tin, khu vực phi chính thức và quyền sở hữu, phụ nữ và thanh niên. www.cipe.org.



**TOWARDS
TRANSPARENCY**

Tổ chức Hướng tới Minh bạch

Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT) là một tổ chức tư vấn phi chính phủ và phi lợi nhuận của Việt Nam được thành lập năm 2008 với mục đích góp phần vào những nỗ lực quốc gia trong việc thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm giải trình để phòng và chống tham nhũng. Tháng 3/2009, TT trở thành cơ quan đầu mối quốc gia của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) tại Việt Nam. Với tư cách này, TT hỗ trợ và điều phối các hoạt động của TI ở Việt Nam, trong khuôn khổ Chương trình TI Việt Nam về “Tăng cường Nhu cầu Phòng, Chống Tham nhũng cho Chính phủ, Khu vực tư nhân và Xã hội, giai đoạn 2009-2012”. www.towardstransparency.vn.

Lời cảm ơn

Báo cáo này do ông Đặng Chiến Thắng, Thạc sĩ Hệ thống Thông tin và Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Khoa học về Mua sắm công và Phát triển bền vững soạn thảo với sự hợp tác của Tổ chức Minh bạch Quốc tế -Hoa Kỳ (TI-USA), Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (CIPE), và Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT). Chúng tôi chân thành cảm ơn các cá nhân đã có những đóng góp cho tất cả các giai đoạn của nghiên cứu này. Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến Laurie Sherman, Cố vấn Pháp lý Cao cấp của TI-USA vì đã dành nhiều thời gian cho việc hỗ trợ soạn thảo báo cáo.

TI-USA, CIPE, và TT đặc biệt cảm ơn Phòng Thương mại Mỹ tại Việt Nam (AmCham-Vietnam) đã chủ trì tổ chức các buổi tham vấn với đại diện các doanh nghiệp tư nhân ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh - như một phần của chương trình Dự án. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến ông Adam Sitkoff, Giám đốc Điều hành AmCham-Vietnam tại Hà Nội, và ông Herb Cochran, Giám đốc Điều hành Am-Cham Vietnam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn các Công ty, đại diện của Ngân hàng Thế giới và Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam vì đã dành thời gian tham gia vào các buổi tham vấn và chia sẻ hiểu biết của mình về thực trạng minh bạch trong hoạt động mua sắm công ở Việt Nam.

Nancy Z. Boswell

Chủ tịch & Giám đốc Điều hành, TI-USA

John D. Sullivan

Giám đốc Điều hành, CIPE

Nguyễn Thị Kiều Viên

Giám đốc Điều hành, Towards Transparency

Từ và cụm từ viết tắt

Luật Đấu thầu năm 2005	Luật số 61/2005/QH11
AmCham-Vietnam	Phòng Thương mại Mỹ tại Việt Nam
APEC	Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương
Các chuẩn mực APEC	Các chuẩn mực của APEC về minh bạch đối với hoạt động mua sắm công
CIPE	Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế
DPP	Cục Quản lý Đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Hợp đồng EPC	Hợp đồng tổng thầu bao gồm thiết kế, cung ứng vật tư và xây lắp
GDP	Tổng Sản phẩm Quốc nội
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu năm 2005, sửa đổi bởi Luật số 38/2009/QH12
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NBPs	Các nguyên tắc không ràng buộc về hoạt động Mua sắm công
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
TI-USA	Tổ chức Minh bạch Quốc tế- Hoa Kỳ
TT	Tổ chức Hướng tới Minh bạch
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VDR	Báo cáo Phát triển Việt Nam
Vinashin	Tập đoàn Công nghiệp Đóng tàu Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Mục lục

Tóm lược chung	6
Giới thiệu	8
1. Xây dựng các chuẩn mực của APEC về minh bạch trong hoạt động Mua sắm công	9
2. Bối cảnh kinh tế và quản trị của Việt Nam	11
3. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động mua sắm công	14
4. Kết quả đánh giá khuôn khổ pháp lý	20
5. Kết quả tham vấn khu vực tư nhân	25
6. Kết luận và khuyến nghị	30
Phụ lục 1 Các chuẩn mực của APEC về minh bạch trong hoạt động mua sắm công	33
Phụ lục 2 Các văn bản pháp lý liên quan đến mua sắm công	35

Tóm lược chung

Tham nhũng làm tổn hại sự phát triển kinh tế, cản trở sự phát triển của các cấu trúc thị trường hợp lý và ngăn cản khả năng thu hút nguồn đầu tư nước ngoài khan hiếm của các nước đang phát triển. Không ở đâu mà cái giá phải trả cho tham nhũng lại rõ rệt như trong lĩnh vực mua sắm công. Năm 2009, Việt Nam chi khoảng 22,15% GDP cho hoạt động mua sắm. Bị xếp hạng thấp trong tất cả các chỉ số chính về tham nhũng khiến cho tính minh bạch và liêm chính trong mua sắm công trở nên đặc biệt quan trọng.

Việt Nam tham gia Công ước của Liên hợp quốc về chống Tham nhũng như một phần của chiến lược phòng, chống tham nhũng và tăng cường tính liêm chính trong nhiều hoạt động của Chính phủ. Ngoài ra, với tư cách là thành viên của Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (“APEC”), Việt Nam nhất trí triển khai các chuẩn mực minh bạch trong mua sắm công được APEC phê chuẩn năm 2004 (“Các chuẩn mực APEC”).

Tổ chức Minh bạch Quốc tế- Hoa Kỳ (“TI-USA”), Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (“CIPE”), và Tổ chức Hướng tới Minh bạch (“TT”), cơ quan đầu mối quốc gia của Tổ chức Minh bạch Quốc tế tại Việt Nam, hợp tác triển khai Dự án đánh giá khuôn khổ pháp lý và việc thực hiện các chuẩn mực APEC trong hoạt động mua sắm công. Dự án phân tích khuôn khổ pháp lý của Việt Nam đối với hoạt động mua sắm công và tham vấn với khối tư nhân về việc thực hiện các quy định pháp lý này trong thực tế không cũng như mức độ tác động của việc thực hiện đối với tham nhũng.

Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể với việc ban hành các văn bản pháp lý về đấu thầu mua sắm. Từ năm 2005, Việt Nam đã thông qua một số luật liên quan đến mua sắm công và hướng dẫn triển khai các Luật này bằng các Nghị định của Chính phủ. Ngoài ra, còn có các Thông tư và Quyết định cung cấp các biểu mẫu và hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện các quy trình đấu thầu. Số lượng nhiều các văn bản liên quan làm cho việc triển khai thực hiện trở nên phức tạp và có tác động ngược đối với tính minh bạch của cả hệ thống.

Nhìn chung, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam đã bao hàm các chuẩn mực APEC mặc dù còn thiếu rà soát độc lập đối với các quyết định trong quá trình đấu thầu. Tuy nhiên, quá trình tham vấn với khu vực tư nhân cho thấy cả Chính phủ và doanh nghiệp đều cần nỗ lực hơn nữa để tăng cường tính minh bạch và liêm chính trong hệ thống đấu thầu mua sắm công. Các vấn đề chính nảy sinh liên quan đến việc tạo cơ hội đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản pháp lý trước khi phê duyệt, áp dụng các quy định về đấu thầu một cách nhất quán ở cấp tỉnh và địa phương; thiếu một bộ qui tắc ứng xử chung cho các cán bộ làm công tác đấu thầu; và thiếu bộ phận chuyên môn về đấu thầu trong tổ chức của các Bên mời thầu.

Về phía doanh nghiệp, có sự do dự trong việc thực hiện các quyền theo quy định về đấu thầu như quyền đặt câu hỏi về cơ hội đấu thầu và quyền nghi ngờ các quyết định chọn thầu. Các câu hỏi nhằm làm sáng tỏ việc đấu thầu của doanh nghiệp thường không được trả lời hoặc được trả lời một cách chung chung và việc nghi ngờ về các quyết định chọn thầu thường dẫn đến việc công ty có kiến nghị sau này có thể sẽ không được mời tham gia đấu thầu bởi một Bên mời thầu nào đó.

Khu vực tư nhân cũng có vấn đề. Ít công ty có bộ qui tắc ứng xử chung hoặc có các chương trình khuyến khích tính liêm chính trong quá trình đấu thầu mua sắm. Việc thiếu các tổ chức xã hội dân sự có nhiệm vụ và chuyên môn giám sát đấu thầu mua sắm công cũng làm tăng thêm các vấn đề về minh bạch.

Kết quả, báo cáo đưa ra các khuyến nghị sau:

- Chính phủ cần nâng cao năng lực tiến hành các cuộc đấu thầu mua sắm một cách minh bạch bằng cách lấy ý kiến góp ý của người dân về các qui định đấu thầu mới; xây dựng “Sổ tay hướng dẫn đấu thầu” nhằm chuẩn hóa thủ tục ở tất cả các cấp; yêu cầu các nhà thầu tham dự đấu thầu phải có chương trình chống tham nhũng; và giới thiệu một bộ qui tắc ứng xử chung cho các cán bộ làm công tác đấu thầu.
- Chính phủ cần tăng cường quản lý và tăng cường tính minh bạch của các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), đảm bảo mỗi DNNN đều có một bộ qui tắc ứng xử, chương trình đào tạo và kiểm soát nội bộ chống tham nhũng. Ngoài ra, Chính phủ cần giải quyết các xung đột lợi ích xuất phát từ vai trò của DNNN với tư cách vừa là bên dự thầu và vừa là bên mời thầu, và từ khả năng của DNNN trong đấu thầu các dự án được tổ chức bởi cơ quan Chính phủ có sở hữu hoặc kiểm soát DNNN đó.
- Chính phủ cần khuyến khích phát triển các tổ chức xã hội dân sự chuyên về đấu thầu và cho phép các tổ chức này giám sát công tác đấu thầu.
- Khu vực tư nhân cần tăng cường tính liêm chính bằng cách
 - Áp dụng các bộ qui tắc ứng xử, tổ chức chương trình đào tạo và kiểm soát nội bộ chống tham nhũng
 - Làm việc thông qua các tổ chức doanh nghiệp tại địa phương và xã hội dân sự để khuyến khích phê duyệt các chương trình chống tham nhũng
 - Tham gia vào các sáng kiến tăng cường tính liêm chính và minh bạch như chương trình Sáng kiến Minh bạch trong Kinh doanh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì.
- Cộng đồng các nhà tài trợ cần tăng cường nỗ lực cải thiện sự minh bạch và liêm chính của công tác đấu thầu bằng cách
 - sử dụng thí điểm Thỏa thuận Liêm chính của Tổ chức Minh bạch Quốc tế trong các hoạt động đấu thầu lớn.
 - đưa vấn đề đào tạo chống tham nhũng, quản lý tài chính và các thủ tục đấu thầu vào các dự án mới.
 - thiết lập và quảng bá một “đường dây nóng” trên toàn quốc hoặc một trang thông tin điện tử chuyên tiếp nhận thông tin bí mật về các vụ lạm dụng mua sắm công và các trường hợp tham nhũng.

GIỚI THIỆU

Mua sắm công chiếm phần lớn nhất của chi tiêu công, bên cạnh chi lương và các phúc lợi xã hội. Ước tính từ 14 đến 20 phần trăm GDP của một nước là dành cho mua sắm công, tương đương từ 8,16 đến 11,65 nghìn tỷ đô la Mỹ (US\$) mỗi năm trên qui mô toàn cầu.¹ Một phần lớn của khoản chi khổng lồ này là dành cho các dịch vụ công thiết yếu như nước sạch, giáo dục, y tế và cơ sở hạ tầng. Với ước tính rằng tham nhũng có thể cộng thêm 10 đến 25 phần trăm vào chi phí mua sắm công, và trong một số trường hợp thậm chí là 40 đến 50 phần trăm, chi phí xã hội và tài chính thật sự là con số khổng lồ².

Vì lý do đó, các văn phòng quốc gia của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (“TI”) trên khắp thế giới đã đặt vấn đề giảm bớt tham nhũng trong hoạt động mua sắm công là một mục tiêu ở mức ưu tiên cao. TI đã xuất bản “Sổ tay chống Tham nhũng trong Mua sắm công” và xây dựng các phương pháp tiếp cận đổi mới nhằm tăng cường tính minh bạch và liêm chính trong Chính phủ và khu vực tư nhân; đồng thời thúc đẩy cộng đồng xã hội tham gia giám sát³.

TI đã giới thiệu các phương pháp tiếp cận trong nước và đa phương nhằm khuyến khích các quy định và thủ tục về mua sắm công minh bạch như là bước quyết định để giảm tham nhũng. Việc tiếp cận tốt hơn thông tin về mua sắm công sẽ làm tăng khả năng dự đoán cho khu vực tư nhân, tạo điều kiện cho cộng đồng xã hội giám sát và đảm bảo tốt hơn việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực công. Nó cũng dẫn đến khả năng giải trình tốt hơn của Chính phủ, nâng cao niềm tin của công chúng.

Các chuẩn mực Minh bạch của Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (“APEC”) được các nước thành viên APEC thống nhất năm 2004 thể hiện một cam kết quan trọng của các Chính phủ đối với việc nâng cao tính liêm chính trong hoạt động mua sắm công và chống tham nhũng. Tác động của việc áp dụng các chuẩn mực APEC trong thực tiễn lại tùy thuộc vào việc triển khai và thực hiện.

Báo cáo này là một trong loạt báo cáo của TI-USA nhằm đánh giá và thúc đẩy việc triển khai các chuẩn mực APEC của các nền kinh tế thành viên APEC. Báo cáo phân tích việc triển khai các chuẩn mực APEC ở Việt Nam trong luật pháp và trong thực tiễn. Báo cáo dựa trên cơ sở rà soát khuôn khổ pháp lý do Chuyên gia về Mua sắm công Việt Nam, ông Đặng Chiến Thắng, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Ứng dụng Công nghệ Thông tin (MBIS), Thạc sỹ Khoa học về Mua sắm công và Phát triển bền vững (MSc.) thực hiện; cùng với kết quả các cuộc tham vấn với đại diện khu vực tư nhân ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh về mức độ tuân thủ khuôn khổ pháp lý của cả các cơ quan chức năng Việt Nam cũng như các công ty trong nước và nước ngoài.

1. Ngân hàng Thế giới ước tính GDP toàn cầu là 58,26 nghìn tỷ đô la Mỹ năm 2009. Xem <http://siteresources.worldbank.org/DATASTATISTICS/Resources/GDP.pdf>. Con số từ 14 đến 20% được lấy từ các Báo cáo Quốc gia trong loạt báo cáo này.

2. Ngân hàng Thế giới ước tính tham nhũng có thể cộng thêm 20 phần trăm trở lên vào chi phí mua sắm công. Xem <http://go.worldbank.org/VAT2EY5A00>. TI ước tính thiệt hại do tham nhũng trung bình là 10 đến 25% giá trị hợp đồng. Xem Sổ tay chống Tham nhũng trong Mua sắm công (2006) của TI trang 13: http://www.transparency.org/publications/publications/other/procurement_handbook.

3. TI đã xây dựng Thỏa thuận Liêm chính, công cụ nhằm ngăn chặn tham nhũng trong mua sắm công. Xem http://www.transparency.org/global_priorities/public_contracting/integrity_pacts. Tổ chức này cũng phát hành “Các nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ” với sự hợp tác của Tổ chức Trách nhiệm Giải trình Quốc tế và sự hỗ trợ của một Ban Chỉ đạo gồm các thành viên đến từ cộng đồng doanh nghiệp quốc tế, các viện nghiên cứu, các tổ chức công đoàn và các tổ chức phi Chính phủ bao gồm cả CIPE. Các nguyên tắc này đưa ra một khuôn khổ các thông lệ kinh doanh có đạo đức. Xem tại http://www.transparency.org/global_priorities/private_sector/business_principles.

Phần 1 của báo cáo giới thiệu các chuẩn mực APEC. Phần 2 cung cấp thông tin tổng quan về nền kinh tế, môi trường kinh doanh và phạm vi của mua sắm công ở Việt Nam. Phần 3 mô tả khuôn khổ pháp lý cho hoạt động mua sắm công ở Việt Nam. Phần 4 tóm tắt các phát hiện sau khi rà soát khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và sự tuân thủ với các Chuẩn mực APEC. Phần 5 trình bày các kết quả tham vấn với khối tư nhân và Phần 6 gồm các kết luận và khuyến nghị.

Báo cáo này sẽ là tài liệu hướng dẫn hữu ích cho: (i) Cơ quan Chính phủ Việt Nam, về khoảng cách giữa khuôn khổ pháp lý và việc triển khai; (ii) cộng đồng doanh nghiệp, về quy trình đấu thầu và khả năng dễ mắc sai phạm; và (iii) cộng đồng xã hội, trong các lĩnh vực cải cách trong tương lai.

1. Xây dựng các Chuẩn mực của APEC về Minh bạch trong Mua sắm công

APEC do 12 nền kinh tế châu Á-Thái Bình Dương thành lập năm 1989 với mục tiêu trở thành diễn đàn kinh tế hàng đầu của khu vực. Kể từ đó, APEC đã phát triển lớn mạnh với 21 thành viên hiện nay, gồm: Úc, Bru-nây, Chi-lê, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hồng Kông, In-đô-nê-sia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xia, Mê-hi-cô, Niu-zi-lân, Papua Niu Ghi-nê, Phi-líp-pin, Nga, Sinh-ga-po, Đài Loan, Thái Lan, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Việt Nam. Các nỗ lực chống tham nhũng trong các lĩnh vực khác nhau là một phần quan trọng của sứ mệnh của APEC nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững và đảm bảo thịnh vượng chung cho khu vực. Một lĩnh vực trọng điểm là đấu thầu mua sắm nơi tham nhũng có hệ thống thường hủy hoại sự cạnh tranh, gây lãng phí nguồn lực công và cuối cùng là cản trở tăng trưởng kinh tế và phát triển.

Để tăng cường hiệu quả của hoạt động mua sắm công thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm và các thông lệ tốt nhất, các nền kinh tế APEC thành lập Nhóm các chuyên gia Mua sắm công vào năm 1995. Tháng 8/1999, Nhóm các chuyên gia đã hoàn thành việc xây dựng bộ Các nguyên tắc không ràng buộc đối với Mua sắm công (NBPs) để các nền kinh tế thông qua trên tinh thần tự nguyện.⁴ NBPs tập trung vào tính minh bạch, giá trị của đồng tiền, cạnh tranh và hiệu quả, buôn bán công bằng, trách nhiệm giải trình, quy trình thích đáng và không phân biệt đối xử. Đồng thời, các nhóm công tác khác trong APEC cũng thương thảo về các nguyên tắc minh bạch chung áp dụng cho nhiều lĩnh vực như hải quan, thương mại, đầu tư...⁵ Năm 2004, các thành viên APEC đưa NBP minh bạch vào Các chuẩn mực Minh bạch đối với Mua sắm công.⁶ Toàn bộ văn bản này được trình bày ở Phụ lục 1.

4. Xem Các nguyên tắc không ràng buộc đối với Mua sắm công của Nhóm các chuyên gia Mua sắm công APEC tại <http://www.abanet.org/intlaw/committees/corporate/procurement/APEC%20Gov%20Proc.pdf>.

5. Tuyên bố của các nhà Lãnh đạo về việc triển khai các chuẩn mực minh bạch APEC (27/10/2002) tại <http://www.america.gov/st/washfile-english/2002/October/20021028114159gomez@pd.state.gov0.1174127.html>.

6. Hội nghị Bộ trưởng APEC lần thứ 16 năm 2004 (17-18/11/2004) tại http://www.apec.org/Meeting-Papers/Ministerial-Statements/Annual/2004/2004_amm.aspx.

Các chuẩn mực APEC bao hàm các khía cạnh then chốt của mua sắm công:

- công bố và cho phép tiếp cận các quy định về mua sắm công;
- công bố dự thảo quy định mới và tạo cơ hội đóng góp ý kiến;
- cho phép truy cập vào các thông tin mời đấu thầu rộng rãi;
- đối xử công bằng với các nhà thầu;
- công bố các tiêu chí đánh giá thầu và quyết định ký kết hợp đồng; và
- có cơ chế rà soát các quyết định liên quan đến đấu thầu và xử lý tranh chấp một cách nhanh chóng và công bằng.

Các chuẩn mực APEC thể hiện cam kết chính trị của các thành viên APEC đối với sự minh bạch và liêm chính trong mua sắm công. Việc triển khai các chuẩn mực này có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho ổn định tài chính và tăng sự tự tin trong các hành động của Chính phủ. Việc có sẵn và dễ dàng truy cập các thông tin về mua sắm công là chìa khóa để thực hiện thành công các gói thầu, phát triển và củng cố các ngành kinh tế quan trọng nhằm tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực công.

Tại hội nghị bộ trưởng APEC tại Sydney năm 2007, các nền kinh tế thành viên đã đệ trình báo cáo đánh giá công tác triển khai thực hiện các chuẩn mực APEC trong các lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả mua sắm công và cam kết san bằng những khác biệt còn lại. Các báo cáo này cho thấy tiến bộ chung trong công tác triển khai thực hiện các chuẩn mực APEC. Tuy nhiên, chúng không cung cấp một bức tranh đầy đủ vì được soạn thảo bởi các nền kinh tế APEC tương ứng mà không có sự tham gia của các quan sát viên Phi chính phủ. Ngoài ra, các báo cáo này tập trung vào việc hài hòa luật và quy định của quốc gia với các chuẩn mực APEC hơn là kiểm tra cách thức các văn bản pháp luật này được triển khai như thế nào trong thực tiễn và tác động của chúng đối với việc cải thiện tính liêm chính trong mua sắm công.

Mục tiêu của báo cáo chung này là cung cấp cho khu vực tư nhân và cộng đồng xã hội thông tin về mức độ nội luật hóa và triển khai các chuẩn mực APEC ở Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị để cải thiện việc thực hiện. Báo cáo nhằm mở rộng trao đổi về việc triển khai các chuẩn mực APEC từ hành động liên Chính phủ sang nỗ lực đa bên rộng hơn, từ đó thúc đẩy tăng cường tính minh bạch và chống tham nhũng. TI-USA, CIPE, và các văn phòng quốc gia của TI đã liên kết thực hiện các đánh giá việc triển khai các chuẩn mực APEC ở ba quốc gia APEC: Mê-hi-cô, Pê-ru và In-đô-nê-xi-a để so sánh mức độ triển khai thực hiện và xác định liệu có vấn đề chung nào có thể được giải quyết thông qua hành động bổ sung trong APEC hoặc các diễn đàn quốc tế khác. TI-USA cũng đã tiến hành một dự án tương tự ở Phi-líp-pin.

2. BỐI CẢNH KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ CỦA VIỆT NAM

Bối cảnh

Chính sách Đổi mới của Việt Nam bắt đầu được thực hiện từ năm 1986, đánh dấu sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, trả lại đất nông nghiệp cho các hộ gia đình để trồng trọt và mở

của cho đầu tư và kinh doanh nước ngoài vào Việt Nam. Nhằm tăng cường hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam gia nhập Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (“ASEAN”) năm 2005 và Tổ chức Thương mại Thế giới (“WTO”) năm 2007. Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài đáng kể trong những năm qua, đưa đất nước ra khỏi danh sách các nước kém phát triển nhất.

Bảng 1: Các chỉ số kinh tế của Việt Nam, giai đoạn 2007 - 2010

Chỉ số	2007	2008	2009	2010
Tổng Sản phẩm Quốc Nội (GDP) (tỷ US\$)	71,1	89,8	92,4	96,8
GDP tính trên đầu người (US\$)	835	960	1.040	1.100
Tỷ lệ tăng trưởng GDP	8,5%	6,2%	5,3%	6,2%
Chỉ số Giá Tiêu dùng	8,3%	23,0%	6,0%	11,75%

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Tổng cục Thống kê Việt Nam

Về quản trị, Việt Nam được xếp trong khoảng từ 25 đến 50 trong số tổng số 213 quốc gia và lãnh thổ theo khảo sát của báo cáo Chỉ số Quản trị Toàn cầu, ngoại trừ cấu phần “Tiếng nói và Trách nhiệm giải trình” trong đó Việt Nam xếp hạng trong khoảng từ 0 đến 10, và đứng trong khoảng từ 50 đến 75 về “Ổn định Chính trị”.⁷ Trong cấu phần “Kiểm soát Tham nhũng”, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong thập kỷ qua mặc dù vẫn đứng trong khoảng 25 đến 50 trong số các nước được khảo sát.

Mức độ tham nhũng ở Việt Nam, đặc biệt khi so sánh với các nước khác, vẫn rất cao. Theo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Việt Nam xếp thứ 116 trong số 178 quốc gia được điều tra năm 2010.⁸ Mặc dù kết quả này cho thấy xếp hạng của Việt Nam đã được cải thiện so với năm 2009 nhưng chỉ số thực vẫn là 2,7 và không được cải thiện.⁹ Các chỉ số khác cũng cho thấy mức độ tham nhũng cao ở Việt Nam. Theo Chỉ số Tự do Kinh tế 2011, Việt Nam đạt 27 điểm trên tổng số 100 điểm cho chỉ số không tham nhũng và báo cáo cho rằng “Sự chồng chéo của các quy định pháp lý và các thủ tục quan liêu tạo cơ hội cho tham nhũng phát triển.”¹⁰ Báo cáo Kinh doanh của Ngân hàng Thế giới 2011 xếp Việt Nam ở vị trí 78 trong số 183 quốc gia. Mặc dù nằm trong топ 10 nước có cải thiện mạnh mẽ nhất theo khảo sát,¹¹ Việt Nam vẫn ở dưới mức trung bình xét ở khía cạnh thành lập doanh nghiệp, một lĩnh vực dễ có tham nhũng.

7. Kaufman, D., A. Karsy, và M. Mastruzzi, Chỉ số Quản trị Toàn cầu (2010), xem tại http://info.worldbank.org/governance/wgi/sc_chart.asp#.

8. Tổ chức Minh bạch Quốc tế, “Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng, 2010,” xem tại http://www.transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/2010/results.

9. Tổ chức Minh bạch Quốc tế, “Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng, 2009,” xem tại http://www.transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/2009/cpi_2009_table. Thang điểm từ 0 đến 10, với điểm cao nhất dành cho Đan Mạch, Niu Di-lân và Singapore với 9,3 điểm.

10. Quỹ Di sản (Heritage Foundation), “Chỉ số Tự do Kinh tế 2010,” xem tại <http://www.heritage.org/index/Country/Vietnam>.

11. Công ty Tài chính Quốc tế và Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Kinh doanh 2011, “Tổng quan,” xem tại <http://www.doingbusiness.org/reports/doing-business/doing-business-2011>.

Mức độ tham nhũng ở Việt Nam cũng được ghi nhận tại Báo cáo Phát triển Việt Nam (“VDR”) 2010, do một nhóm các tổ chức tài trợ quốc tế thực hiện.¹² Theo VDR 2010, nhận thức chung của người dân là tham nhũng là vấn đề có ở khắp nơi. 65% những người được hỏi nói rằng tham nhũng là vấn đề lớn đối với họ và gia đình họ, 44% những người được hỏi cho rằng mức độ tham nhũng nói chung là nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.¹³ Còn theo khu vực tư nhân, mức độ tham nhũng là đáng lo ngại. Theo báo cáo, quá nửa các công ty trong một cuộc điều tra cho biết họ phải trả hoa hồng khi ký kết hợp đồng với các cơ quan nhà nước còn trong một khảo sát khác thì cứ 4 công ty lại có 1 công ty nói họ phải hối lộ.¹⁴

Năm 2010, lần đầu tiên TT và TI tiến hành khảo sát tại Việt Nam để phục vụ cho việc xây dựng Phong vũ biểu toàn cầu về tham nhũng. Kết quả cho thấy 62% người dân thành phố Việt Nam cho rằng tham nhũng gia tăng ở Việt Nam trong giai đoạn 2007-2010. Ngoài ra, 49% những người được hỏi cho rằng khu vực kinh doanh có tham nhũng.¹⁵ Tuy nhiên, có những dấu hiệu đáng khích lệ về mặt nhận thức ở cấp Chính phủ rằng tham nhũng đang làm hại triển vọng kinh tế của Việt Nam. Tại Đại hội Đảng toàn quốc gần đây nhất được tổ chức vào tháng 1/2011, một quan chức Chính phủ một lần nữa nhấn mạnh trước các đại biểu rằng tham nhũng đang cản trở sự phát triển kinh tế của đất nước.¹⁶

Khi tham nhũng xuất hiện trong mua sắm công, tình hình trở nên phức tạp bởi sự thật rằng các phương tiện thông tin đại chúng hiếm khi tập trung vào mua sắm công, một phần là vì tính chất kỹ thuật của hoạt động này và phần khác là vì các nhà báo thiếu kiến thức chuyên môn. Ngoài ra, cũng khó thu thập được thông tin về các vấn đề liên quan đến mua sắm công và đăng tải các bài báo về các vấn đề nhạy cảm như tham nhũng, những vấn đề dính líu đến các khoản tiền lớn, các quyền lợi bất di bất dịch, và các DNNN lớn.

Có nhiều tổ chức xã hội khác nhau ở Việt Nam có thể đóng vai trò giám sát hoạt động mua sắm công. Nghị định số 47/2007/ND-CP về triển khai Luật Phòng Chống Tham nhũng xác định ba nhóm (ngoài nhà báo và công dân) có nghĩa vụ chống tham nhũng, đó là: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tổ chức tập hợp sự tham gia của quần chúng), các hiệp hội nghề nghiệp và các Ban Thanh tra Nhân dân (cơ quan địa phương nhận và giải quyết khiếu nại công). Tuy nhiên, ở thời điểm này, chưa có tổ chức nào trong số này có nhiệm vụ tập trung vào lĩnh vực mua sắm công hoặc giám sát các hoạt động mua sắm công một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Và hiện không có tổ chức xã hội độc lập nào chuyên về giám sát hoạt động mua sắm công.

12. “Báo cáo Phát triển Việt Nam, 2010: Các thể chế hiện đại” (“VDR 2010”), xem tại http://www-wds.worldbank.org/external/default/WDSP/IB/2010/03/19/000333037_20100319004055/Rendered/PDF/535730WP0P11221ng0reduced0file0size.pdf.

13. “Báo cáo Phát triển Việt Nam, 2010: Các thể chế hiện đại” (“VDR 2010”), xem tại http://www-wds.worldbank.org/external/default/WDSP/IB/2010/03/19/000333037_20100319004055/Rendered/PDF/535730WP0P11221ng0reduced0file0size.pdf.

14. Tương tự, trang 110, trích dẫn các Khảo sát do Đại sứ quán Phần Lan và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hỗ trợ Cộng đồng thực hiện năm 2008 và Viện Quản lý Kinh tế Trung ương và Trường Đại học Copenhagen thực hiện năm 2008.

15. TT và TI, “Phong vũ biểu Tham nhũng Toàn cầu 2010: phân tích chỉ số của Việt Nam,” xuất bản năm 2011.

16. Margie Mason, “Việt Nam thừa nhận tham nhũng cản trở sự phát triển của đất nước,” Tờ Bưu điện Washington (ngày 12/1/2011), xem tại <http://ph.news.yahoo.com/vietnam-acknowledges-corruption-holds-back-country-20110112-042343-019.html>.

Tầm quan trọng kinh tế của hoạt động mua sắm công

Hoạt động mua sắm công ở Việt Nam do cơ quan Chính phủ, 58 tỉnh, 5 thành phố và nhiều cơ quan chính quyền địa phương thực hiện. Ngoài ra, có 3.200 Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) ở Việt Nam tham gia vào hoạt động mua sắm công hoặc thực hiện đấu thầu của riêng mình, chiếm khoảng 36% GDP.¹⁷ Nguồn vốn quan trọng dành cho mua sắm công cũng đến từ các nhà tài trợ quốc tế thông qua viện trợ phát triển chính thức (“ODA”). Năm 2005, Việt Nam thống nhất với các tổ chức Tài chính Đa phương và các cơ quan tài trợ lớn bằng Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ, như một cơ sở cần thiết cho việc chuyển giao quyền lực và các quyết định về phát triển cho Chính phủ và từ Chính phủ cho chính quyền tỉnh.¹⁸ Theo Tuyên bố Hà Nội, ODA được chuyển vào thông qua các hệ thống và thủ tục của Việt Nam và tuân thủ luật pháp về đấu thầu của Việt Nam trong phạm vi có thể. Kết quả là hàng tỷ Đồng vốn ODA được chuyển qua hệ thống đấu thầu của Việt Nam, gây ra những quan ngại đặc biệt.¹⁹

Năm 2009, tổng giá trị mua sắm công xấp xỉ 388.985 tỷ đồng Việt Nam (20,47 triệu USD), tương đương 22,15% GDP. Năm 2009, các Bộ, ngành và địa phương đã tiến hành 80.202 vụ đấu thầu công.²⁰

Tỷ lệ sử dụng các phương pháp mua sắm cạnh tranh trong tổng giá trị các hợp đồng mua sắm công giảm một cách đáng kể trong thời gian 2008- 2009. Năm 2008, trên 72% các hợp đồng được ký kết thông qua đấu thầu cạnh tranh trong khi năm 2009 con số này chỉ là 53%.

Số liệu thống kê hoạt động đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam, giai đoạn 2006-2009

Số liệu thống kê	2006	2007	2008	2009
TỔNG SỐ CÁC ĐỢT ĐẤU THẦU	38.876	33.891	69.051	80.202
Tổng giá trị hợp đồng đã ký (triệu USD)	6.752,6	57.605,7	16.588,4	20.472,9
Tổng giá trị hợp đồng đã ký thông qua các phương pháp đấu thầu mở cạnh tranh (triệu USD)	4.104,3	25.953,7	12.053,0	10.825,9
Tỷ lệ của tổng giá trị hợp đồng đã ký thông qua các phương pháp đấu thầu cạnh tranh so với tổng giá trị hợp đồng đã ký	60,78%	45,05%	72,66%	52,88%

Nguồn: Cục Quản lý Đấu thầu

17. Xem EU-Vietnam MUTRAP III, “Chiến lược tổng thể phát triển khối dịch vụ đến năm 2020 (CSSSD), tầm nhìn đến năm 2025,” Báo cáo Cuối cùng (tháng 12/2009), xem tại <http://www.mutrap.org.vn/en/library/MUTRAPIII/Technical%20reports/COMPREHENSIVE%20STRATEGY%20FOR%20SERVICE%20SECTOR%20DEVELOPMENT%20TO%20THE%20YEAR%202020%20WITH%20A%20VISION%20UP%20TO%202025.pdf>; Department of State, “Background Note: Vietnam,” available at <http://www.state.gov/r/pa/ei/bgn/4130.htm>.

18. Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ (tháng 6/2003) (“Tuyên bố Hà Nội”) xem tại <http://www.oecd.org/dataoecd/25/16/39151259.pdf>. Tuyên bố Hà Nội triển khai các đề nghị từ Diễn đàn Cấp cao về Hiệu quả Viện trợ tổ chức tại Pa-ri vào tháng 3/2005.

19. Năm 2006, một Giám đốc Ban quản lý Dự án thuộc Bộ Giao thông Vận tải (PMU 18) bị buộc tội sử dụng hàng triệu đồng công quỹ bao gồm cả quỹ của các nhà tài trợ như JICA để cá độ bóng đá và ăn chơi xa xỉ. Vụ tai tiếng này đã làm dấy lên lo ngại về tính hiệu quả của nguồn vốn ODA ở Việt Nam và kết quả là Bộ trưởng Giao thông phải từ chức. Xem <http://news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/4917466.stm>.

20. Các số liệu này được Cục Quản lý Đấu thầu cung cấp cho tác giả. Số liệu bằng USD trong báo cáo này được chuyển đổi từ đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng vào ngày 01/1/2011 là 1USD = 19.386,70 đồng và tất cả đều là xấp xỉ.

3. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ CHO HOẠT ĐỘNG MUA SẮM CÔNG

Luật và Nghị định

Trong những năm qua, khuôn khổ pháp lý quy định về hoạt động mua sắm công ở Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể. Năm 2002, Ngân hàng Thế giới xác định sáu thiếu sót lớn trong hệ thống mua sắm công của Việt Nam:²¹

- Thiếu văn bản luật cơ bản về mua sắm công và các tài liệu chuẩn
- Thông báo và quảng cáo về các cơ hội tham gia đấu thầu không đủ
- Thiếu sự tiếp cận của công chúng đối với luật pháp về mua sắm công
- Thiếu cơ chế rõ ràng để xử lý tranh chấp trong đấu thầu
- Thiếu hướng dẫn rõ ràng và chi tiết việc triển khai thực hiện quy định về mua sắm công, ví dụ phương thức đánh giá chung và thống nhất, thủ tục ưu tiên trong nước
- Thiếu nhân sự có năng lực và các cơ quan chuyên trách về mua sắm công

Từ đó, Việt Nam đã thông qua nhiều Luật và Nghị định điều chỉnh hoạt động mua sắm công nhằm xử lý những bất cập mà Ngân hàng Thế giới đã đề cập đến, gần nhất là năm 2005 và 2009. Luật Đấu thầu 2005 (Luật số 61/2005/QH11), được thông qua năm 2005 và được sửa đổi bằng Luật số 38/2009/QH12 năm 2009 (“Luật Đấu thầu”).²² Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định 85/2009 hướng dẫn triển khai Luật Đấu thầu.²³ Ngoài ra, các quy định về đấu thầu cũng được đề cập đến trong Luật Xây dựng năm 2003.²⁴ Bên cạnh đó, có nhiều nghị định và thông tư hướng dẫn triển khai các Luật này (xem Phụ lục 2).

Số lượng và quy mô của các văn bản này làm nảy sinh nhiều vấn đề về triển khai thực hiện đối với cán bộ, công chức làm công tác đấu thầu cũng như khó khăn cho khối tư nhân trong việc hiểu hệ thống đấu thầu. Ngoài ra, nhiều nghị định và quyết định không được dịch sang tiếng Anh hoặc được dịch bởi các Bên mời thầu khác nhau dẫn đến những phiên bản khác biệt và không nhất quán.

Luật Đấu thầu áp dụng cho tất cả các cơ quan sử dụng vốn nhà nước.²⁵ Tuy nhiên, có các luật chồng chéo làm cho hoạt động đấu thầu trở nên phức tạp. Ví dụ, hoạt động đấu thầu của DNNN trong lĩnh vực năng lượng được chi phối bởi Luật Dầu khí²⁶ còn trong lĩnh vực xây dựng thì còn bị điều chỉnh bởi Luật Xây dựng.

Ngoài luật và quy định riêng về đấu thầu, khuôn khổ pháp lý liên quan đến mua sắm công cũng bao gồm các

21. Ngân hàng Thế giới, “Việt Nam: Báo cáo Đánh giá Mua sắm công Quốc gia” (tháng 12/2002), xem tại <http://www.unpcdc.org/media/4308/vietnam%20assessment.pdf>.

22. Luật Đấu thầu, xem tại <http://www.havip.com.vn/images/download/Law%20on%20Tendering.pdf> và Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Xây dựng Cơ bản, xem tại <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/Luat/Law-No-38-2009-QH12-of-June-19-2009-amending-and-supplementing-a-number-of-articles-of-the-Laws-concerning-capital-construction-investment-vb96074t10.aspx>.

23. Nghị định 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 hướng dẫn triển khai Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng, xem tại http://www.moc.gov.vn/site/moc/cms?cmd=4&portionId=88&articleId=37956&portalSiteId=6&language=en_US.

24. Luật số 16/2003/QH11 (2003), xem tại <http://www.havip.com.vn/images/download/Law%20on%20Construction.pdf>.

25. Phillips Fox, “Luật Đấu thầu Mới” (tháng 4/2006), tại 2, xem tại <http://www.usvtc.org/updates/legal/PhillipsFox/TenderingLawUpdateApr2006.pdf>.

26. Luật Dầu khí năm 1993, được bổ sung năm 2002.

văn bản luật áp dụng chung.

- Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật của Quốc hội (“Luật về các luật”), quy định thời gian thông báo và góp ý kiến vào các dự thảo luật và quy định;
- Luật Phòng Chống Tham nhũng (29/11/2005);
- Nghị định số 47/2007/NĐ-CP (27/3/2007), hướng dẫn triển khai Luật Phòng Chống Tham nhũng, trong đó quy định vai trò và trách nhiệm của xã hội trong đấu tranh chống tham nhũng;
- Nghị định số 37/2007/NĐ-CP (09/3/2007) về Minh bạch Tài sản và Thu nhập, yêu cầu các cán bộ cơ quan nhà nước ở các vị trí nhất định phải khai báo về tài sản và thu nhập (khai báo tài sản) trên cơ sở bí mật.

Điều kiện tham gia vào hoạt động mua sắm công

Cơ hội đấu thầu ở Việt Nam được chia thành đấu thầu trong nước và đấu thầu quốc tế. Theo quy định của Luật Đấu thầu, đấu thầu quốc tế chỉ có thể được tổ chức trong những trường hợp sau:²⁷

- gói thầu mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc đã tổ chức đấu thầu trong nước nhưng không chọn được nhà thầu trúng thầu;
- gói thầu được tài trợ bởi một tổ chức tài chính quốc tế hoặc nhà tài trợ quốc tế mà hợp đồng tài trợ quy định phải đấu thầu quốc tế; hoặc,
- gói thầu đấu thầu hàng hóa mà hàng hóa đó ở trong nước chưa đủ khả năng sản xuất.

Các nhà thầu quốc tế chỉ có thể tham gia đấu thầu trong nước với tư cách các nhà thầu phụ cho các nhà thầu Việt Nam. Trong đấu thầu quốc tế, ưu đãi được dành cho:

- trong mọi hoạt động đấu thầu, nhà thầu được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư;
- trong đấu thầu dịch vụ tư vấn, hợp đồng xây lắp, và hợp đồng EPC, thành viên trong liên danh là công ty Việt Nam sẽ đảm nhiệm công việc có giá trị ít nhất là 50% của gói thầu; và,
- nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên

Trong đấu thầu trong nước, nhà thầu phải chứng minh rằng họ được thành lập tại Việt Nam (như chứng nhận đăng ký kinh doanh). Trong đấu thầu quốc tế, chứng nhận đăng ký kinh doanh do quốc gia mà nhà thầu mang quốc tịch cấp. Nhà thầu phải chứng minh rằng họ là một pháp nhân độc lập với năng lực tài chính lành mạnh và không bị phá sản, vỡ nợ hoặc đang trong quá trình giải thể. DNNN cũng có thể tham gia đấu thầu trong các hoạt động đấu thầu của các DNNN hoặc cơ quan khác thuộc nhà nước.

Có các quy định về việc công bố nhà thầu không đủ tư cách và công bố thông tin về những hành động vi phạm Luật Đấu thầu. Thông tin xử lý vi phạm được công bố trên Báo Đấu thầu và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Danh sách bao gồm cả Bên mời thầu và nhà thầu tham gia đấu thầu bị phát hiện vi phạm luật. Ngoài ra, thông tin còn bao gồm cả việc xử lý từng trường hợp vi phạm cụ thể.²⁸

27. Mô tả về điều kiện tham gia đấu thầu theo Phillips Fox, “Luật Đấu thầu Mới”, (tháng 4/2006), xem tại <http://www.usvtc.org/updates/legal/PhillipsFox/TenderingLawUpdateApr2006.pdf>.

28. Xem <http://muasamcong.mpi.gov.vn>.

Vai trò và Trách nhiệm của các cán bộ Chính phủ

Luật Đấu thầu phân cấp quản lý quy trình đấu thầu và xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của mỗi cấp Chính phủ.

Thủ tướng:

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, giải quyết các kiến nghị trong đấu thầu
- Quy định cơ quan, tổ chức thẩm định giúp người hoặc cơ quan được ủy quyền quyết định các nội dung về đấu thầu (“Người có thẩm quyền”).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Quản lý Đấu thầu:

- Chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu đặc biệt
- Quản lý tờ báo về đấu thầu, trang thông tin điện tử về đấu thầu và cổng thông tin điện tử về đấu thầu
- Làm đầu mối trong hợp tác quốc tế về đấu thầu
- Chỉ đạo các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác đấu thầu
- Giám sát việc thực hiện hoạt động đấu thầu
- Giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị trong đấu thầu
- Kiểm tra, thanh tra trên phạm vi cả nước nhằm giám sát việc thực hiện đấu thầu

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban Nhân dân các cấp (cơ quan hành pháp của chính quyền địa phương):

- Triển khai và quản lý các gói thầu
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác đấu thầu
- Tóm tắt, đánh giá và báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu
- Giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị trong đấu thầu
- Thực hiện kiểm tra, thanh tra về đấu thầu đối với nhân sự theo thẩm quyền

Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban Nhân dân, DNNN trong vai trò là “Người có thẩm quyền”:

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu hàng năm
- Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu
- Xử lý các tình huống đặc biệt
- Giải quyết kiến nghị theo thẩm quyền

Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân, DNNN, hoặc các cơ quan nhà nước khác làm “Chủ đầu tư”:

- Quyết định về sơ tuyển nhà thầu, danh sách các nhà thầu đủ tư cách hợp lệ và xếp hạng nhà thầu
- Phê duyệt hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu (Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với một tổ chức độc lập hoặc cơ quan đấu thầu chuyên nghiệp soạn thảo hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu).
- Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu (có thể thuộc bên mời thầu hoặc thuê một tổ chức chuyên nghiệp) đánh giá hồ sơ dự thầu

- Cá nhân của Tổ chuyên gia đấu thầu phải có Chứng chỉ tham gia khóa học về Đấu thầu, có kiến thức về pháp luật đấu thầu và quản lý dự án, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu và có trình độ ngoại ngữ phù hợp
- Phê duyệt yêu cầu kỹ thuật
- Quyết định nhà thầu trúng thầu
- Chịu trách nhiệm soạn thảo và ký kết hợp đồng với nhà thầu và đảm bảo thực hiện đúng các nghĩa vụ theo hợp đồng
- Cung cấp thông tin cho tờ báo về đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu
- Giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị trong đấu thầu

Bên mời thầu (có thể là Chủ đầu tư hoặc một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp do Chủ đầu tư thuê thực hiện một gói thầu cụ thể):

- Tổ chức đấu thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu
- Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu
- Báo cáo Chủ đầu tư phê duyệt năng lực của nhà thầu và quá trình lựa chọn nhà thầu
- Chuẩn bị nội dung hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt
- Cung cấp thông tin cho tờ báo về đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu
- Giải quyết các kiến nghị trong đấu thầu

Mỗi bên mời thầu có kiểm toán nội bộ để giám sát chi tiêu tài chính và việc tuân thủ các quy định về đấu thầu. Ngoài ra, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam cũng có quyền kiểm toán báo cáo tài chính của các cơ quan chính quyền trung ương, tỉnh và địa phương, cũng như kiểm toán việc tuân thủ pháp luật có liên quan của các cơ quan này. Về mặt lý thuyết, qui định này cho phép Kiểm toán Nhà nước quyền kiểm toán việc tuân thủ các thủ tục đấu thầu. Tuy nhiên, trong thực tế, do khả năng hạn chế nên cơ quan này không phải là một cơ quan kiểm tra, đánh giá độc lập và hiệu quả.

Việc phân cấp trách nhiệm trong đấu thầu bộc lộ các vấn đề về năng lực của các cán bộ, công chức làm công tác đấu thầu trong việc thực hiện đấu thầu. Một số tổ chức đào tạo cung cấp các khóa đào tạo về quản lý đấu thầu. Tuy nhiên, số lượng đào tạo rất hạn chế do thiếu các giảng viên có kinh nghiệm. Các khóa đào tạo hầu như chỉ hạn chế trong ba ngày.

Một vấn đề lớn hơn là việc thiếu năng lực chuyên môn ở cấp tỉnh và địa phương. Chính quyền tỉnh và địa phương có quyền ban hành các quy định nội bộ về đấu thầu. Tuy nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh không có đơn vị chuyên về đấu thầu để kiểm soát và hỗ trợ các hoạt động đấu thầu trong địa phương mình. Kết quả là không có phương thức thực hiện đấu thầu được chuẩn hóa ở cấp tỉnh. Đôi khi, bên mời thầu bổ sung các bước vào thủ tục đấu thầu rộng rãi hoặc làm cho các phương thức đấu thầu đơn giản hơn như chào hàng cạnh tranh, phức tạp hơn. Việc thiếu chuẩn hóa gây ra sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng Luật ở từng địa phương.

Phương thức đấu thầu

Luật Đấu thầu quy định nhiều phương thức đấu thầu khác nhau như mô tả dưới đây. Cũng có thể áp dụng các trường hợp đặc biệt nếu không thể áp dụng các phương thức này và bên mời thầu phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đấu thầu rộng rãi là yêu cầu bắt buộc đối với hầu hết các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và tư vấn vượt ngưỡng quy định và không hạn chế về số lượng nhà thầu tham gia.

Đấu thầu hạn chế yêu cầu mời trực tiếp ít nhất năm nhà thầu và chỉ được sử dụng trong các trường hợp sau: (i) gói thầu có tính chất nghiên cứu hoặc thử nghiệm mà chỉ có một số nhà thầu có khả năng đáp ứng yêu cầu của gói thầu; (ii) nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu phải đấu thầu hạn chế; và (iii) gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù.

Ký hợp đồng trực tiếp (chỉ định thầu) được sử dụng trong các trường hợp đặc biệt của các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn (i) đòi hỏi hành động khẩn cấp khắc phục sự cố bất khả kháng; (ii) gói thầu mua sắm các loại hàng hóa/dịch vụ mà trước đó đã mua từ một nhà thầu cung cấp và không thể mua từ các nhà thầu cung cấp khác do phải bảo đảm tính tương thích của thiết bị và công nghệ; và (iii) gói thầu thuộc dự án bí mật quốc gia, an ninh an toàn năng lượng. Ngoài ra, phương thức ký hợp đồng trực tiếp chỉ được sử dụng cho các gói thầu có giá trị dưới ngưỡng quy định. Ban đầu, các ngưỡng này được đặt ra trong Luật Đấu thầu 2005 và được sửa đổi năm 2009. Theo đó, các ngưỡng cao hơn được phê duyệt tại Nghị định 85/2009 quy định hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

	Luật Đấu thầu 2005	Nghị định 85/2009
Hàng hóa	1 tỷ đồng Việt Nam (50.000 USD)	2 tỷ đồng Việt Nam (100.000 USD)
Dịch vụ	500 triệu đồng Việt Nam (25.000 USD)	3 tỷ đồng Việt Nam (150.000 USD)
Xây lắp	1 tỷ đồng Việt Nam (50.000 USD)	5 tỷ đồng Việt Nam (250.000 USD)
Mua sắm tài sản duy trì hoạt động thường xuyên	100 triệu đồng Việt Nam (5.000 USD)	100 triệu đồng Việt Nam (5.000 USD)

Chào hàng cạnh tranh được sử dụng cho gói thầu có trị giá 2 tỷ đồng Việt Nam (100.000 USD) đối với hoạt động mua sắm những hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng. Đối với phương thức đấu thầu này, bên mời thầu phải nhận được tối thiểu ba báo giá từ ba nhà thầu khác nhau.

Các bước đấu thầu cơ bản trong phương thức đấu thầu rộng rãi

Các thủ tục đấu thầu rộng rãi quy định trong Luật Đấu thầu theo mô hình của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại Quốc tế. Ngoài ra, các thủ tục này cũng tương tự như những hướng dẫn về đấu thầu của các ngân hàng phát triển đa phương và các tổ chức tài trợ đang hoạt động ở Việt Nam, có điều chỉnh một chút cho phù hợp với quy định về đấu tư và quản lý Nhà nước của Việt Nam.²⁹ Nhìn chung, đấu thầu rộng rãi chuẩn để lựa chọn nhà thầu gồm các bước sau:

Các bước chính	Yêu cầu phê duyệt của Người có thẩm quyền
Chuẩn bị kế hoạch đấu thầu và dự toán giá gói thầu	Có
Chuẩn bị yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ mời thầu	Có
Quảng cáo và phát hành hồ sơ mời thầu	Không
Nhận hồ sơ dự thầu và mở thầu công khai	Không
Đánh giá hồ sơ dự thầu (và yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu, nếu cần)	Có
Thông qua hợp đồng với nhà thầu trúng thầu	Không

29. Đặc biệt là Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Phát triển Pháp (AfD), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Hàn Quốc, Kreditanstalt für Wiederaufbau - Entwicklungsbank (KfW), và Ngân hàng Thế giới (WB).

4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ

Như trình bày dưới đây, hầu hết các nguyên tắc quy định trong các chuẩn mực APEC đều được thể hiện trong khuôn khổ pháp lý về mua sắm công của Việt Nam. Tuy nhiên, không có một cơ chế giải quyết tranh chấp độc lập và một số nguyên tắc khác của các chuẩn mực APEC còn chưa được thể hiện.

Phần này đề cập đến việc đưa các chuẩn mực APEC vào khuôn khổ pháp lý chi phối hoạt động mua sắm công ở Việt Nam ở cấp quốc gia. Như đã trình bày ở trên, các Cơ quan Bộ hoặc tỉnh có thể ra các văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện, có trường hợp không hoàn toàn nhất quán với khung luật pháp chung.

1. Kịp thời công bố các luật, quy định và thủ tục gắn về mua sắm công

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động đấu thầu có sẵn trên nhiều trang thông tin điện tử khác nhau và có thể dễ dàng truy cập:

- <http://www.muasamcong.mpi.gov.vn> (Cổng thông tin điện tử về đấu thầu)
- <http://moj.gov.vn/qlduan/pages/home.aspx> (Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp)
- <http://www.moc.gov.vn/site/moc/legal> (Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng)
- <http://www.chinhphu.vn> (Cổng thông tin điện tử Chính phủ)
- <http://vietlaw.gov.vn/LAWNET/> (Cổng thông tin điện tử Quốc hội)
- <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/default.aspx> (thư viện các văn bản pháp luật)

Văn bản pháp lý cũng được phát hành công khai qua Công báo được bán ở các hiệu sách và quầy báo lớn và được xuất bản bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Công bố danh sách các bên mời thầu cả tích cực và tiêu cực tùy theo qui định

Luật Đấu thầu điều chỉnh tất cả các cơ quan Chính phủ ở các cấp trung ương, tỉnh và địa phương cũng như hầu hết các DNNN. Tuy nhiên, luật và quy định chồng chéo làm cho khó có thể xác định luật và quy định nào áp dụng cho cơ quan/đơn vị nào.

3. Công bố trước các quy định về đấu thầu mà Chính phủ dự định phê duyệt và cung cấp cơ hội hợp lý để công chúng đóng góp ý kiến vào những thay đổi này

Về mặt kỹ thuật, chuẩn mực này được thể hiện ở Luật Đấu thầu. Theo quy định của Luật Đấu thầu, bất kỳ thay đổi nào đối với khuôn khổ pháp lý sẽ được công bố trước ở “Hộp thông báo” hoặc “Tin tức nổi bật” trên trang thông tin điện tử của Bộ KH&ĐT (www.mpi.gov.vn) và trên trang thông tin điện tử Thông tin Đấu thầu và Cổng thông tin điện tử về Đấu thầu. Các thay đổi, đề xuất này được công bố kèm theo thông báo kêu gọi người dân đóng góp ý kiến và đề xuất vào các dự thảo. Cá nhân quan tâm được khuyến khích đóng góp ý kiến và đề nghị bằng thư điện tử, thư tín thông thường và fax theo quy định nêu trong các thông báo này. Tuy nhiên, thực tế lại hoàn toàn khác. Theo kết quả tham vấn với khu vực tư nhân, Luật Đấu thầu năm 2005 và

Luật sửa đổi năm 2009 được phê duyệt mà không có ý kiến đóng góp của công chúng và Nghị định 85/2009 hướng dẫn thi hành Luật được ban hành mà không tạo cơ hội để đóng góp ý kiến.

4. Cung cấp thông tin và trả lời về các quy định đấu thầu hoặc đóng góp ý kiến

Điều 68 của Luật Đấu thầu chỉ định Cục Quản lý đấu thầu là cơ quan đầu mối trong tất cả các vấn đề liên quan đến đấu thầu.

5. Thông báo cho cá nhân có kiến nghị trong đấu thầu

Việc quản lý đấu thầu và giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được phân cấp và thực hiện bởi Bên mời thầu.

6. Duy trì các thủ tục trong nước về việc xem xét một cách nhanh chóng và sửa chữa các hành động hành chính cuối cùng

Điều 72 của Luật Đấu thầu quy định bên dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và các vấn đề liên quan trong đấu thầu. Các bên dự thầu có kiến nghị được thông báo về kiến nghị. Tuy nhiên, các bên chịu trách nhiệm giải quyết khiếu kiện về đấu thầu lại là các cơ quan kiểm soát quá trình đấu thầu: Bên mời thầu, Chủ đầu tư và Người có thẩm quyền. Việc thiếu một cơ chế kiểm tra độc lập là thiếu sót nghiêm trọng trong tính minh bạch của các thủ tục rà soát hoạt động đấu thầu mua sắm công.

Theo quy định tại Điều 72 và 73, Bên mời thầu có trách nhiệm giải quyết kiến nghị trong đấu thầu của nhà thầu trong thời hạn tối đa năm ngày làm việc. Trường hợp Bên mời thầu không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của bên mời thầu thì nhà thầu được quyền gửi đơn đến Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết kiến nghị trong thời gian tối đa bảy ngày làm việc. Quyết định của Chủ đầu tư có thể được gửi lên Người có thẩm quyền và Người có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kiến nghị trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc. Trường hợp Người có thẩm quyền không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của Người có thẩm quyền thì nhà thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Nếu nhà thầu kiến nghị về kết quả lựa chọn thầu và không đồng ý với quyết định của Chủ đầu tư thì nhà thầu có thể gửi kiến nghị lên Người có thẩm quyền và Chủ tịch Hội đồng Tư vấn về Giải quyết Kiến nghị (“Hội đồng Tư vấn”). Hội đồng Tư vấn có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan đến gói thầu cung cấp thông tin, tài liệu, ý kiến cần thiết để lập Báo cáo kết quả làm việc. Hội đồng Tư vấn có thể làm việc trực tiếp với các đối tượng liên quan để làm rõ vấn đề. Thời gian để Hội đồng Tư vấn làm việc cho đến khi có Báo cáo kết quả tối đa là hai mươi ngày kể từ khi nhận được đơn của nhà thầu. Hội đồng Tư vấn bao gồm đại diện của Bộ KH&ĐT, đại diện của Người có thẩm quyền và đại diện của các hiệp hội nghề nghiệp liên quan.³⁰ Trong thời hạn tối đa là năm ngày làm việc kể từ khi nhận được Báo cáo kết quả làm việc của Hội

30. Việt Nam có nhiều hiệp hội nghề nghiệp như hội xây dựng, kiến trúc, xây dựng cầu đường, tư vấn và nhiều lĩnh vực khác.

đồng Tư vấn, Người có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết kiến nghị của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với giải quyết của Người có thẩm quyền thì nhà thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Như trình bày ở trên, không có cơ quan độc lập nào rà soát các quyết định về đấu thầu ở Việt Nam và việc xem xét được thực hiện bởi chính các cơ quan đưa ra các quyết định về đấu thầu. Có hai cơ quan Nhà nước độc lập với các bộ và bên mời thầu nhưng không tập trung vào việc thực hiện quy trình đấu thầu. Phạm vi của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước chỉ giới hạn ở việc kiểm toán tài chính. Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm thanh tra và giải quyết các kiến nghị và tố giác cũng như các hành động phòng chống tham nhũng nhưng phạm vi hoạt động rộng hơn nhiều công tác đấu thầu. Ngoài ra, Thanh tra Chính phủ có thể đưa khuyến nghị nhưng không có thẩm quyền độc lập buộc thi hành.

7. Công bố các cơ hội tham gia đấu thầu mua sắm công một cách minh bạch để mọi nhà thầu cung cấp đều có thể truy cập thông tin

Luật Đấu thầu quy định việc lập Bản tin Đấu thầu để quảng cáo về các cơ hội đấu thầu và các thông tin khác liên quan đến đấu thầu, bao gồm kế hoạch đấu thầu, thư mời thầu, đề nghị gửi đề xuất, kết quả trúng thầu, luật pháp có liên quan và danh sách các công ty bị cấm ký kết hợp đồng do hành vi không đúng đắn trước đây. Bản tin Đấu thầu với tiêu đề “Thông tin Đấu thầu” được xuất bản hai lần một tuần từ ngày 14/12/2004 và trở thành tờ báo hàng ngày (Báo Đấu thầu) từ ngày 01/1/2008.

Các thông tin đăng tải bao gồm:

- Kế hoạch đấu thầu;
- Thư mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển;
- Thư mời đấu thầu rộng rãi;
- Danh sách các nhà thầu được mời tham gia (đối với đấu thầu hạn chế và chỉ định trực tiếp);
- Kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm thông tin chính của hợp đồng);
- Thông tin về việc xử lý các vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu hiện hành;
- Quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu; và
- Các thông tin khác có liên quan.

Mọi thông tin liên hệ của Bên mời thầu được công bố cùng kế hoạch đấu thầu và thư mời thầu. Các nhà thầu tiềm năng được tự do liên hệ với Bên mua để đăng ký nhận thông báo về các cơ hội đấu thầu có liên quan.

Thông tin về mọi gói thầu đều phải được đăng tải trên ba số liên tục của Báo Đấu thầu với một chi phí nhỏ. Sau khi đăng tải các cơ hội đấu thầu trên Báo Đấu thầu và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu, thông tin này có thể được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của các cơ quan và cá nhân có quan tâm.

31. “Đấu thầu điện tử đã triển khai và vận hành”, Thời báo Đầu tư Việt Nam (01/3/2010).

Cục Quản lý Đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm xuất bản Báo Đấu thầu và duy trì trang thông tin điện tử Báo Đấu thầu, <http://www.thongtindauthau.com.vn>, và cổng thông tin điện tử đấu thầu tại <http://muasamcong.mpi.gov.vn> (“Hệ thống Đấu thầu Điện tử”). Hai trang thông tin điện tử này chứa đựng tất cả các thông tin được công bố trên Báo Đấu thầu cũng như các quy định có liên quan về đấu thầu (luật, nghị định, thông tư, quyết định, biểu mẫu). Trang thông tin điện tử thứ hai, được khai trương năm 2010, là hệ thống đấu thầu điện tử thí điểm của Việt Nam, hiện đang được thử nghiệm và chưa chính thức đi vào hoạt động.³¹

Theo quy định tại Điều 31 của Luật Đấu thầu, sau khi cơ hội đấu thầu được đăng tải, các nhà thầu tiềm năng có:

- Đối với sơ tuyển, tối đa là 30 ngày đối với đấu thầu trong nước và 45 ngày đối với đấu thầu quốc tế.
- Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

8. Cung cấp các thông tin cần thiết để nhà thầu cung cấp có thể chuẩn bị hồ sơ dự thầu

Các yêu cầu của gói thầu được trình bày trong một chương riêng biệt trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu tiềm năng có thể đến Bên mời thầu để kiểm tra và mua hồ sơ mời thầu ngay sau khi thông tin được đăng tải. Bên mời thầu không được phép từ chối hoặc trì hoãn yêu cầu mua hồ sơ mời thầu của nhà thầu. Yêu cầu và thủ tục sơ tuyển và đánh giá năng lực, tiêu chí đánh giá, các yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng ... tất cả đều có trong hồ sơ sơ tuyển và hồ sơ mời thầu.

Theo quy định tại Điều 33 của Luật Đấu thầu, nếu hồ sơ mời thầu cần phải được sửa đổi sau khi phát hành thì bên mời thầu phải thông báo đến các nhà thầu đã nhận hồ sơ mời thầu tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời điểm đóng thầu. Điều 34 quy định nhà thầu có thể yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu bằng cách gửi văn bản và Bên mời thầu có trách nhiệm cung cấp văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu cho các nhà thầu đã nhận hồ sơ.

9. Có tiêu chí minh bạch để đánh giá hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu theo đúng các tiêu chí này

Điều 14 của Luật Đấu thầu và Điều 4 của Nghị định 85/2009/NĐ-CP quy định về ưu đãi trong đấu thầu mua sắm công. Trong đấu thầu quốc tế rộng rãi, ưu đãi dành cho các nhà thầu trong nước với các tiêu chí về tư cách hợp lệ cụ thể.

Theo quy định của Nghị định 85/2009/ND-CP, các nhà thầu được ưu đãi cho các gói thầu dịch vụ tư vấn phải có điểm tăng thêm 7,5%. Đối với các gói thầu xây lắp, giá dự thầu tăng thêm 7,5% đối với các nhà thầu không

đủ điều kiện ưu đãi. Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, giá dự thầu của nhà thầu không được hưởng ưu đãi tăng thêm một lượng bằng tổng phí và lệ phí nhập khẩu và có thể lên đến mức tối đa là 15% giá hàng hóa.

Điều 29 quy định phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu phải được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu. Trước đây, điểm đánh giá (hệ thống chấm điểm) được sử dụng trong tất cả các gói thầu. Phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt được khuyến nghị sử dụng trong hầu hết các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ và xây lắp trong khi phương pháp chấm điểm chỉ được sử dụng cho các gói thầu rất phức tạp. Phương pháp này giảm tải gánh nặng công việc cho Nhóm chuyên gia mua sắm của Bên mời thầu và cho phép họ đẩy nhanh quy trình lựa chọn nhà thầu. Phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt tạo cơ hội lớn hơn cho các nhà thầu mới tham gia vào thị trường. Phương pháp chấm điểm vẫn được áp dụng cho các gói thầu xây lắp, tổng thầu EPC và gói thầu tư vấn.

Có một số khía cạnh của quy trình đánh giá chưa đảm bảo tính minh bạch. Ví dụ, mặc dù Bên mời thầu có thể yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu nhưng không có cơ chế nào để nhà thầu chủ động sửa lỗi. Một vấn đề nữa phát sinh trong quá trình thương thảo hợp đồng mua sắm hàng hóa và xây lắp. Nếu hồ sơ dự thầu được đánh giá là “Có giá bỏ thầu thấp nhất” thông qua quy trình đấu thầu cạnh tranh rộng rãi thì nhà thầu đó phải được trúng thầu. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, Bên mời thầu bắt đầu thương thảo cho giá thấp hơn mặc dù việc thương thảo này không được quy định trong Luật Đấu thầu. Điều này làm mất lợi ích hợp pháp của nhà thầu qua đấu thầu cạnh tranh và về mặt nào đó, không khuyến khích nhà thầu đưa ra giá dự thầu chính xác.

10. Ký hợp đồng một cách minh bạch

Theo quy định tại Điều 5 và Điều 33 của Luật Đấu thầu, thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu phải được công bố trên Báo Đấu thầu và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu.

Theo quy định tại Điều 41, kết quả đấu thầu được thông báo ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu. Tuy nhiên, thông báo không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu. Nhà thầu không trúng thầu có quyền đưa ra câu hỏi về kết quả chọn nhà thầu và Bên mời thầu phải trả lời các câu hỏi này.³² Điều này đáp ứng yêu cầu của Chuẩn mực APEC tương ứng.

11. Xử lý thông tin mật

Luật Đấu thầu yêu cầu các cơ quan liên quan đến đấu thầu phải giữ bí mật mọi thông tin liên quan đến đấu thầu. Nội dung các hồ sơ dự thầu, sổ tay, biên bản các phiên họp đánh giá hồ sơ dự thầu, ý kiến của chuyên gia và các thông tin nhạy cảm về mặt thương mại đều được bảo mật.³³ Ngoài ra, thông tin bí mật về doanh nghiệp được bảo hộ theo quy định tại Quyết định số 995/2008/QĐ-BKH của Bộ trưởng Bộ KHĐT, quy định về việc giữ bí mật thông tin trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

32. Các Điều từ 62 đến 64.

33. Các Điều 61, 62, 63, và 65.

5. KẾT QUẢ THAM VẤN VỚI KHU VỰC TƯ NHÂN

TI-USA, CIPE, và TT đã thực hiện hai cuộc tham vấn với các doanh nghiệp ở Việt Nam, một cuộc ở Hà Nội và một cuộc ở thành phố Hồ Chí Minh, và các cuộc phỏng vấn riêng các chuyên gia mua sắm công. Tại 2 thành phố trên, Phòng Thương mại Mỹ tại Việt Nam đứng ra tổ chức các cuộc tham vấn, mời đại diện các công ty và hãng luật trong và ngoài nước hoạt động trong các lĩnh vực tư vấn, xây dựng, dầu mỏ và khí đốt, bất động sản, kế toán và sản xuất tham dự.

Tinh thần chung của các cuộc tham vấn cho thấy một bức tranh tổng hợp. Có sự tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng một khuôn khổ pháp lý cho hoạt động mua sắm công ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc triển khai trong thực tế mới chỉ ở giai đoạn đầu. Ý kiến thống nhất chung là các luật và quy định nhìn chung không được áp dụng trong thực tiễn do nhiều yếu tố, từ thiếu năng lực phù hợp cho tới việc thiếu động cơ phù hợp để tuân thủ cả về phía các cơ quan nhà nước lẫn khu vực tư nhân, làm cho tham nhũng trở nên phổ biến.

Tuyên truyền và phổ biến các luật và quy định về đấu thầu

Các thành viên tham dự các cuộc họp tham vấn đều nhất trí rằng các Luật và quy định về mua sắm công đều đã có. Các văn bản này đã được dịch sang tiếng Anh và được đăng tải trên nhiều trang thông tin điện tử. Tuy nhiên, mọi người cũng ghi nhận rằng mặc dù Điều 4 của “Luật về các luật” quy định rằng “cá nhân được quyền đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật” nhưng các doanh nghiệp lại cho rằng Chính phủ không công bố trước Luật hay Quy định về mua sắm công để lấy ý kiến góp ý. Ngoài ra, Chính phủ thay đổi các quy định về đấu thầu theo hướng giảm đi các thông lệ cạnh tranh mà không lấy ý kiến công chúng. Việc triển khai Nghị định 85/2009, thay đổi một cách đáng kể phương thức đấu thầu.³⁴ Như trình bày ở trên, Nghị định mở rộng phạm vi miễn tổ chức đấu thầu cạnh tranh rộng rãi bằng cách tăng ngưỡng giá trị mà Bên mời thầu có thể trực tiếp ký kết hợp đồng với nhà thầu so với quy định trong Luật Đấu thầu năm 2005.

Các thành viên tham dự buổi tham vấn không biết về việc thảo luận công khai trước khi ban hành Nghị định này. Họ cho biết trong một số trường hợp cơ quan xây dựng văn bản có tổ chức lấy ý kiến đóng góp đối với những thay đổi trong quy định về đấu thầu mới nhưng không nghĩ rằng có thể dễ dàng góp ý kiến và cho rằng khung thời gian dành cho việc này là quá ngắn. Chỉ một vài đại biểu đã từng tham gia đóng góp ý kiến.

Thông báo về các cơ hội tham gia đấu thầu

Đấu thầu rộng rãi được coi là phương pháp đấu thầu mặc định nhưng hầu hết các đại biểu cảm thấy rất ít Bên mời thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi trong thực tế. Như đã nêu trên đây, ngưỡng cho chỉ định thầu được tăng lên trong Nghị định 85/2009 và theo các đại biểu việc sử dụng phương pháp chỉ định thầu gia tăng một cách đáng kể.

34. Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu và Lựa chọn Nhà thầu Xây lắp, theo Luật Xây dựng, xem tại: <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-dinh/Decree-No-85-2009-ND-CP-of-October-15-2009-guiding-the-Bidding-Law-and-the-selection-of-construction-contractors-under-the-Construction-Law-vb98659t11.aspx>.

Luật Đấu thầu và các quy định dưới luật đòi hỏi phải đăng tải thông tin về các cơ hội tham gia đấu thầu và kết quả xét thầu lên báo (Báo Đấu thầu) và trên mạng (Cổng thông tin điện tử về đấu thầu). Tuy nhiên, hầu hết các đại biểu hoài nghi về hiệu quả của quy trình đăng tải này. Một số người cho rằng Báo Đấu thầu khá hữu ích nhưng không đồng ý về mức độ hữu dụng của trang thông tin điện tử về đấu thầu. Theo hiểu biết của họ, luật không yêu cầu các cơ hội tham gia đấu thầu phải được đăng tải trực tuyến và các đại biểu nghĩ rằng Bên mời thầu có thể lựa chọn nơi đăng tải thông tin. Họ cảm thấy các quảng cáo không được công bố trên các báo chính thức và việc có được thông tin về các cơ hội tham gia đấu thầu phụ thuộc nhiều vào việc duy trì mối quan hệ trực tiếp với nhân sự của Bên mời thầu.

Một số đại biểu cũng cho rằng cả khi các cơ hội tham gia đấu thầu được công bố một cách đúng đắn thì việc đấu thầu có thể không thực sự mở cho cạnh tranh. Một trong số đại biểu nghĩ rằng trong đa phần các cơ hội được công khai, Bên mời thầu đã quyết định công ty nào sẽ trúng thầu. Một đại biểu khác trích dẫn trường hợp trong đó quy trình đấu thầu được tổ chức lại khi chấm “nhầm” công ty trúng thầu.

Vấn đề này được thể hiện ở hai điểm của Nghị định 85/2009. Thứ nhất là nếu có ít hơn ba nhà thầu thì Người có thẩm quyền của Bên mời thầu có thể quyết định cho phép mở thầu hoặc yêu cầu kéo dài thời gian để thu hút thêm nhà thầu. Thứ hai là việc ấn định một mức trần cho giá trị hợp đồng. Theo các đại biểu, nếu tất cả các nhà thầu vượt mức trần này thì Người có thẩm quyền có thể tăng mức trần lên hoặc yêu cầu nhà thầu thương thảo giá. Việc thương thảo này có thể được thực hiện với nhà thầu được lựa chọn chứ không nhất thiết là nhà thầu chào giá thấp nhất. Theo ý kiến các đại biểu, cả hai điểm này đều trao cho Bên mời thầu quá nhiều quyền và dễ cho họ hành động một cách không minh bạch.

Quy trình Đấu thầu

Luật Đấu thầu quy định các nội dung cần thiết trong hồ sơ mời thầu, bao gồm cả các tiêu chí về đánh giá thầu. Hầu hết các đại biểu đồng ý rằng khi Bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu thì hồ sơ này chứa đựng đủ thông tin để lập hồ sơ dự thầu mặc dù họ không đồng ý về việc hồ sơ mời thầu chứa đựng đủ thông tin chi tiết về cách thức đánh giá các hồ sơ dự thầu. Khi thông tin về đấu thầu được đưa ra, một số đại diện của các công ty có vốn nước ngoài cảm thấy họ bất lợi hơn các công ty Việt Nam. Một số đại biểu nói rằng họ đã gặp trường hợp bị chậm trễ trong việc có được hồ sơ mời thầu.

Một số đại biểu cảm thấy khó có thể yêu cầu Bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời thầu. Trong nhiều trường hợp, Bên mời thầu không trả lời các yêu cầu làm rõ thông tin. Ngoài ra, khi có yêu cầu làm rõ, các đại biểu cảm thấy rằng không có một quy trình có tính hệ thống đảm bảo rằng các nhà thầu khác cũng được cung cấp cùng thông tin – mặc dù Luật yêu cầu việc làm rõ hồ sơ mời thầu phải được gửi cho tất cả các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu.

Các đại biểu nhất trí rằng quá trình đánh giá thầu là quy trình ít minh bạch nhất trong đấu thầu ở Việt Nam vì quy trình này mang tính chủ quan nhất. Trong nhiều trường hợp, hợp đồng được ký kết thông qua phương pháp đánh giá chấm điểm chứ không phải cách đánh giá dựa trên tiêu chí Đạt/ Không đạt. Phương pháp đánh giá chấm điểm thường rất mang tính chủ quan và tạo nhiều tự do hơn cho những người ra quyết định của Bên mời thầu. Theo đó, người có thẩm quyền ra quyết định sẽ có cơ hội để bị “vận động hành lang”, và các nhà thầu (trong đó có cả nhà thầu có đại diện trong buổi tham vấn) sẽ “leo thang” lên các cấp cao hơn và thậm chí tới cấp Chính phủ của quốc gia mà nhà thầu mang quốc tịch để “tác động” trong các trường hợp liên quan đến các hợp đồng lớn và quan trọng.

Về việc thông báo nhà thầu trúng thầu, nhìn chung nhà thầu trúng thầu được công bố một cách nhanh chóng. Một vài đại biểu ghi nhận rằng họ cũng được thông báo một cách kịp thời rằng họ không trúng thầu và một người được thông báo lý do. Tuy nhiên, các đại biểu khác nói rằng họ không được thông báo hoặc nếu có được thông báo thì không được biết về lý do không trúng thầu.

Giải quyết tranh chấp

Các đại biểu đồng ý rằng nhà thầu có thể yêu cầu thông tin về kết quả đấu thầu và gửi kiến nghị nhưng miễn cưỡng trong việc sử dụng cả hai cơ chế này. Cảm giác chung dường như là nếu nhà thầu yêu cầu thông tin về kết quả đấu thầu hoặc có kiến nghị, họ sẽ khiến Bên mời thầu không hài lòng và có nguy cơ không được mời tham dự đấu thầu trong tương lai. Quan trọng hơn là khi tồn tại một cơ chế kiến nghị thì kinh nghiệm của các đại biểu là Bên mời thầu không trả lời kiến nghị một cách thỏa đáng. Thông thường, trả lời giới hạn ở việc cảm ơn bên kiến nghị về quan tâm của họ và đảm bảo rằng vấn đề đang được xem xét nhưng không có bước đi cụ thể nào để giải quyết kiến nghị.

Các đại biểu nhận thấy không có cơ quan Chính phủ độc lập nào tiếp nhận hoặc xử lý kiến nghị. Điều này đặt ra nguy cơ cơ bản cho việc giải quyết tranh chấp một cách khách quan và minh bạch. Họ cũng cảm thấy rằng không có một cơ chế bắt buộc tuân theo. Chưa từng có đại biểu nào nghe nói về việc có kiến nghị quyết định đấu thầu thành công. Một đại biểu nói “Không có một cơ quan độc lập để kiến nghị, không có đường dây nóng nào để gọi; không có cơ quan có thẩm quyền nào có đủ năng lực, đủ kinh nghiệm, và mong muốn khởi tố các vi phạm.”

Mặc dù có các cơ quan chuyên về chống tham nhũng ở mọi cấp chính quyền ở Việt Nam nhưng các đại biểu chưa từng yêu cầu các cơ quan này điều tra các hoạt động đấu thầu có nghi vấn. Theo các đại biểu, vấn đề là các cơ quan này không có quyền lực độc lập và không được đào tạo để thanh tra các vấn đề về đấu thầu. Mặc dù theo

Luật Phòng, Chống Tham nhũng, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, Chống Tham nhũng được thành lập với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm điều phối các nỗ lực chống tham nhũng nhưng cả Ban Chỉ đạo này và các ban chỉ đạo ở cấp tỉnh đều không được ủy quyền xử lý các vi phạm về đấu thầu.

Có ba cơ quan khác chuyên về chống tham nhũng theo Luật Phòng, Chống Tham nhũng năm 2005, đó là Cục Chống Tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ, Cục Cảnh sát Điều tra Tội phạm về Tham nhũng thuộc Bộ Công An và Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng thuộc Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao nhưng theo các đại biểu, vai trò của những cơ quan này trong các trường hợp đấu thầu hầu như không được thể hiện. Mặc dù các cơ quan này có nhiệm vụ mạnh mẽ hơn trong công tác chống tham nhũng nhưng các đại biểu cho rằng họ thiếu kinh nghiệm điều tra các vấn đề về đấu thầu và không được coi là thực sự hiệu quả hay độc lập. Kết quả là, các đại biểu cảm thấy họ không thể trông cậy vào một cơ quan điều tra độc lập có thẩm quyền tác động đến các quyết định về đấu thầu.

Đấu thầu do các cơ quan chức năng cấp tỉnh thực hiện

Nhiều đại biểu ghi nhận tác động bất lợi đối với tính minh bạch của việc phân cấp thẩm quyền đấu thầu cho cấp tỉnh. Đặc biệt trong trường hợp các gói thầu sử dụng nguồn vốn từ các tổ chức tài trợ quốc tế theo Tuyên bố Hà Nội về Hiệu quả Viện trợ. Việc phân cấp là nhằm trao quyền cho các cán bộ ở địa phương trong việc ra các quyết định về đấu thầu nhưng không phải lúc nào phân cấp cũng đi kèm đào tạo và giám sát cần thiết.

Các cán bộ cấp tỉnh được đào tạo rất hạn chế về luật và quy định về đấu thầu, thông qua một hội thảo ba ngày. Tất cả các đại biểu đều cảm thấy đào tạo không đủ để tạo ra các cán bộ đấu thầu chuyên nghiệp. Hơn nữa, các cán bộ cấp tỉnh thiếu sự hỗ trợ từ các cơ quan trung ương khi muốn tham vấn về các quy định pháp lý hoặc làm rõ các thắc mắc về thủ tục đấu thầu. Kết quả là việc triển khai thực hiện ở cấp tỉnh rất không đồng đều. Các đại biểu ghi nhận rằng công tác đấu thầu hiện nay được triển khai thực hiện ở cấp tỉnh mà không có các quy trình chuẩn hóa.

Các đại biểu cho rằng một vấn đề nữa là các cơ quan chức năng cấp tỉnh không kiểm toán các hoạt động đấu thầu mà chỉ kiểm toán tài chính. Kiểm toán tài chính không cho thấy liệu một dự án mua sắm được triển khai có tuân thủ kế hoạch đấu thầu hay tạo ra chất lượng của hàng hóa và dịch vụ được yêu cầu hay không. Việc không có một cơ chế đánh giá quá trình triển khai thực hiện và một cơ quan độc lập tiếp nhận các kiến nghị làm cho các cơ quan chức năng cấp tỉnh có ít động cơ để thực hiện các thủ tục đấu thầu cạnh tranh và minh bạch.

Vai trò của DNNN trong Mua sắm Công

Các đại biểu tham gia hội đàm cũng nêu rõ các vấn đề cụ thể đối với DNNN, khối có thị phần đáng kể trong nền kinh tế. Cũng bị điều chỉnh bởi Luật đấu thầu,³⁵ nhưng DNNN hưởng nhiều ưu đãi hơn.³⁶ Sự tham gia

35. Trong một số trường hợp, việc mua sắm của DNNN được chi phối bởi một luật riêng có hiệu lực ưu tiên so với Luật Đấu thầu. Ví dụ, trong lĩnh vực năng lượng, hoạt động đấu thầu được quy định bởi Luật Dầu khí.

36. Báo cáo của Dự án Hỗ trợ Thương mại Đa phương (MUTRAP) ghi nhận các quyền lợi sau được dành cho DNNN: được Chính phủ và các ngân hàng Nhà nước xóa nợ, được xóa và bổ sung những khoản thiệt hại từ ngân sách, được ưu tiên tiếp cận nguồn tài chính của các ngân hàng thương mại Nhà nước và ưu tiên sử dụng đất đai.

của DNNN tạo ra vấn đề về minh bạch và liêm chính trong mua sắm công. Có sự mâu thuẫn lợi ích cố hữu giữa DNNN khi cạnh tranh với doanh nghiệp tư nhân trong các cơ hội đấu thầu. Mọi DNNN đều nằm dưới sự kiểm soát của một bộ chủ quản, hoặc là thông qua việc nắm cổ phần hoặc bị chi phối về quản lý. Thông tin về việc nắm giữ cổ phần và quản lý của DNNN không được công khai, vì vậy không thể đo lường được mối nguy hiểm của mâu thuẫn lợi ích trong một cuộc đấu thầu nhất định. Tuy nhiên, DNNN được phép tham gia các cuộc đấu thầu được tổ chức bởi các cơ quan cấp trên của họ. Doanh nghiệp tư nhân khó có thể cạnh tranh trong các trường hợp này.

Gần đây, nhiều chú ý được tập trung vào hoạt động của các DNNN ở Việt Nam. Đây một phần là kết quả của vụ tai tiếng liên quan đến công ty đóng tàu do Nhà nước quản lý, Tập đoàn Công nghiệp Đóng tàu Việt Nam (“Vinashin”). Vinashin vay nợ tới hơn 4,2 tỷ đô la Mỹ và gần như bị phá sản.³⁷ Tuy nhiên, tập đoàn này đã được cứu và làm khuấy lên những tranh cãi về mức độ mà DNNN lãng phí nguồn lực công do hoạt động kém hiệu quả và các quyết định kinh doanh đầy nghi vấn. Một số đại biểu nghĩ rằng vấn đề với Vinashin có thể đưa đến việc quản lý tốt hơn trong DNNN, có thể là thông qua tăng cường quản trị doanh nghiệp được cải thiện và có khả năng giải trình tốt hơn, tư nhân hóa và tăng cường năng lực lãnh đạo. Tuy nhiên, tiềm năng cải cách vẫn không rõ ràng dựa vào mức độ vững chắc mà các thông lệ quản lý DNNN hiện tại vẫn còn hiện hữu trong nền kinh tế Việt Nam.

Trong những năm qua, một lượng đáng kể đầu tư nước ngoài đã đổ vào Việt Nam,³⁸ bằng chứng là các công ty nước ngoài tin tưởng vào việc tạo ra tiền ở Việt Nam. Các thông lệ của Chính phủ đã được cải thiện, cho phép doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam nơi mà trước đây hoặc là họ không được tham gia do luật pháp quy định hoặc họ tự chọn không tham gia do rủi ro cao ở mức không thể chấp nhận. Tuy nhiên, các đại biểu tham dự buổi tham vấn cho rằng trong lĩnh vực đấu thầu, công ty trong nước cũng như công ty nước ngoài vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động bán hàng cho Chính phủ. Nguyên nhân của những vấn đề này là do thiếu sự minh bạch và liêm chính trong quy trình đấu thầu và ký kết hợp đồng.

37. Hãng tin Reuters, “Việt Nam cải tổ tập đoàn Vinashin đang nợ ngập đầu” (06/7/2010), xem tại <http://www.reuters.com/article/idUSHAN2495320100706>. Vũ Trọng Khanh và Patrick Barta, “Việt Nam kiểm soát việc mở rộng doanh nghiệp đóng tàu Nhà nước” Từ báo Phố Wall châu Á (05/7/2010), xem tại <http://online.wsj.com/article/SB10001424052748704518904575366060548946630.html>.

38. Xem, ví dụ, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương của Bộ KH&ĐT, “Báo cáo về Hoạt động Kinh tế, Đầu tư và Thương mại ở Việt Nam: tập trung vào mười tám tháng đầu tiên triển khai WTO,” xem tại http://www.amchamhanoi.com/site/downloads/Economic_Report0708.pdf.

6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở xem xét và đánh giá các quy định pháp lý cũng như tham vấn với khối tư nhân, báo cáo xác định các vấn đề cơ bản sau liên quan đến tính minh bạch của hệ thống mua sắm công ở Việt Nam.

Khuôn khổ pháp lý

Luật và quy định về hoạt động mua sắm công của Việt Nam nhìn chung tuân thủ các yêu cầu về minh bạch của Các chuẩn mực APEC. Quy định của pháp luật yêu cầu công bố rộng rãi văn bản pháp luật và các quy định về đấu thầu, đăng tải các cơ hội tham gia đấu thầu và kịp thời công bố công khai nhà thầu trúng thầu. Tuy nhiên, có một số lĩnh vực mà khuôn khổ pháp lý này còn chưa được đề cập tới.

Cũng có những vấn đề về thể chế mang tính cơ bản hơn, ảnh hưởng tiêu cực đến sự minh bạch của hoạt động mua sắm công của Việt Nam. Đầu tiên và trước hết là việc không có một cơ quan Chính phủ nào đứng độc lập với Bên mời thầu chịu trách nhiệm về việc thực thi luật và quy định về mua sắm công. Trong khi Bộ KH&ĐT có quyền “chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thực hiện giám sát và thanh tra liên quan tới đấu thầu trên phạm vi toàn quốc”³⁹, thì lại không có thẩm quyền để bắt buộc các Bên mời thầu thực thi ý kiến của mình. Mỗi Bên mời thầu tự chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hoạt động đấu thầu của mình. Thứ hai là không có hướng dẫn rõ ràng nhằm ngăn ngừa mâu thuẫn lợi ích liên quan tới DNNN và Bên mời thầu có cổ phần ở DNNN. Thứ ba là có nhiều luật và quy định chồng chéo làm cho khuôn khổ pháp lý trở nên khó hiểu. Cuối cùng, Chính phủ chưa tạo cơ hội cho công chúng đóng góp ý kiến trước khi phê duyệt Luật Đấu thầu hoặc các quy định triển khai thực hiện, cho dù Luật về Luật có quy định về vấn đề này.

Triển khai thực hiện khuôn khổ pháp lý

Vấn đề then chốt đối với luật pháp về mua sắm công của Việt Nam là nó được thực hiện chưa hiệu quả, đặc biệt là ở địa phương, dẫn đến việc các cán bộ ở địa phương áp dụng luật không nhất quán. Không có sổ tay cung cấp các thủ tục chuẩn hóa về cách thức đấu thầu một cách minh bạch cho Bên mời thầu. Cũng thiếu các cơ quan quản lý mua sắm công với các chuyên gia làm việc toàn thời gian ở cấp tỉnh và địa phương để giám sát và hỗ trợ các hoạt động đấu thầu. Cuối cùng, ở cả cấp trung ương và tỉnh, không có một bộ qui tắc ứng xử chung, áp dụng với các cán bộ làm công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc.⁴⁰

Những khiếm khuyết trong quá trình thi hành luật và quy định hiện nay được trao đổi một cách rõ ràng thông qua các buổi tham vấn với khối tư nhân. Cộng đồng doanh nghiệp chưa được thuyết phục rằng họ được đối xử một cách công bằng trong hoạt động mua sắm công vì khuôn khổ pháp lý hiện tại không được triển khai thực hiện một cách thống nhất và DNNN vẫn tiếp tục nhận được ưu đãi. Như một đại biểu đã nói, “vấn đề với mua

39. Điều 67, Luật Đấu thầu.

40. Hiện nay, chỉ có một bộ qui tắc ứng xử dành cho cán bộ thực hiện công tác đấu thầu hoạt động trong các dự án ODA do Chính phủ Nhật Bản tài trợ, xem http://www.mpi.gov.vn/portal/page/portal/bkhd/1361463?pers_id=1582683&item_id=3324146&p_details=1.

sắm công ở Việt Nam không hoàn toàn là vấn đề tham nhũng mà là mâu thuẫn lợi ích lan tỏa khá rộng liên quan đến DNNN trong hoạt động đấu thầu các hợp đồng Nhà nước”. Hơn nữa, mặc dù có các cơ sở pháp lý cho việc kiến nghị về các quyết định đấu thầu không công bằng nhưng cộng đồng doanh nghiệp vẫn miễn cưỡng sử dụng các quy định này vì lo ngại gây mất thiện cảm với Bên mời thầu và cho rằng quy trình xem xét không thực sự công bằng.

Đồng thời, việc thực thi một cách lỏng lẻo pháp luật về đấu thầu dẫn đến thái độ tự mãn trong các doanh nghiệp. Nhiều công ty không có bộ qui tắc ứng xử chung ngăn chặn các hành vi tham nhũng và lựa chọn “vào cuộc chơi” theo cách không minh bạch khi tham gia vào hoạt động đấu thầu. Sự tự mãn này có xu hướng ngày càng lớn hơn bởi hiện không tổ chức xã hội độc lập nào đóng vai trò giám sát một cách hiệu quả hoạt động mua sắm công.

Khuyến nghị

Sẽ mất nhiều năm để đào tạo những cán bộ đấu thầu chuyên nghiệp trong bất kỳ cơ quan chính phủ nào và để thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, từ đó làm giảm nguy cơ tham nhũng. Do nhận thức của công chúng về lạm dụng đấu thầu tăng lên và do Việt Nam trở nên hòa nhập hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua thương mại và đầu tư, sức ép trong nước và quốc tế đối với sự minh bạch và khả năng giải trình lớn hơn trong mua sắm công sẽ tăng lên – nhưng phải mất thời gian. Vì vậy, để đưa ra các khuyến nghị có ý nghĩa, TI-USA, CIPE, và TT tập trung vào các đề nghị ngắn hạn hơn nhằm cải thiện quá trình triển khai thực hiện Các chuẩn mực APEC ở Việt Nam.

Nâng cao năng lực của Chính phủ trong việc thực hiện đấu thầu minh bạch

Để tăng cường minh bạch và liêm chính trong hoạt động mua sắm công, Chính phủ Việt Nam nên:

- Trao quyền cho Bộ KH&ĐT xem xét các kiến nghị về đấu thầu và giải quyết các tranh chấp giữa Bên mời thầu và nhà thầu và thẩm quyền buộc Bên mời thầu phải thi hành quyết định mà Bộ KH&ĐT đưa ra.
- Giảm số lượng các công cụ pháp lý chi phối hoạt động đấu thầu bằng cách kết hợp các nghị định và quyết định chồng chéo nhau thành luật thống nhất.
- Tăng cường đào tạo và giám sát việc bắt buộc kê khai tài sản của các cán bộ thực hiện công tác đấu thầu ở cấp tỉnh và cấp địa phương.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp đối với DNNN nhằm đảm bảo khả năng giải trình tốt hơn về hoạt động của mình; đưa ra các qui tắc ứng xử chung, đào tạo và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa tham nhũng và làm rõ các mâu thuẫn lợi ích đối với việc DNNN tham gia vào các hoạt động mua sắm công.
- Thực hiện nghiêm túc hơn việc thu thập ý kiến đóng góp của công chúng và đặc biệt là của cộng đồng doanh nghiệp về Luật và quy định mới về mua sắm công.
- Yêu cầu các công ty tham gia vào hoạt động mua sắm công phải có bộ qui tắc ứng xử, đào tạo và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa tham nhũng.
- Khuyến khích phát triển các tổ chức xã hội chuyên về hoạt động mua sắm công và cho phép tổ chức xã hội giám sát hoạt động đấu thầu mua sắm công.

Đặc biệt, Bộ KH&ĐT nên:

- Xây dựng Sổ tay Đấu thầu để quy định các thủ tục chuẩn và hướng dẫn chi tiết về cách thực hiện các nhiệm vụ trong công tác đấu thầu mua sắm công cho các cán bộ thực hiện ở tất cả cấp.
- Ban hành Bộ qui tắc ứng xử chung và yêu cầu các cán bộ thực hiện công tác mua sắm công ở mọi cấp ký cam kết trước khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Thành lập các Phòng quản lý mua sắm công với các đội ngũ nhân viên là các chuyên gia mua sắm ở mỗi Sở KH&ĐT cấp tỉnh nhằm giám sát và hỗ trợ các hoạt động mua sắm trong phạm vi tỉnh.

Huy động sự tham gia của khu vực tư nhân để đảm bảo tính tuân thủ tốt hơn

- Các công ty có tham gia vào hoạt động mua sắm công cần ban hành Bộ qui tắc ứng xử chung và ứng dụng các qui tắc này vào hoạt động kinh doanh hàng ngày.
- Doanh nghiệp trong và ngoài nước cam kết minh bạch trong mua sắm công nên tham gia các tổ chức doanh nghiệp tại địa phương và đưa họ tham gia vào hoạt động chung chống tham nhũng.
 - Công ty nước ngoài bị điều chỉnh bởi Đạo luật Thực hành chống Tham nhũng ở nước ngoài của Mỹ và các luật chống hối lộ tương tự khác nên cùng nhận thức và thực hiện các chiến dịch đào tạo nhằm khuyến khích các công ty trong nước có các cam kết tương tự chống tham nhũng.
 - Doanh nghiệp nên tham gia vào các sáng kiến như Sáng kiến về Liêm chính và Minh bạch trong Kinh doanh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì hoặc các sáng kiến do doanh nghiệp khác khởi xướng nhằm thúc đẩy tính liêm chính và minh bạch trong kinh doanh.

Tăng cường nỗ lực của các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế nhằm tăng cường tính minh bạch trong đấu thầu

- Các nhà tài trợ quốc tế nên đưa vào sử dụng thí điểm Thỏa thuận Liêm chính của Tổ chức Minh bạch Quốc tế trong các dự án lớn.
- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VCCI và USAID xếp hạng so sánh về mức độ tự do trong kinh doanh ở các địa phương của Việt Nam dựa trên cơ sở các cuộc điều tra doanh nghiệp và các nguồn chính thức nên mở rộng đánh giá thêm cả công tác quản lý mua sắm công.⁴¹
- Bất kỳ dự án ODA mới nào tham gia vào hoạt động mua sắm công cũng phải có chương trình đào tạo cho các cán bộ Nhà nước về chống tham nhũng, quản lý tài chính và thủ tục đấu thầu phù hợp với quy định của Việt Nam.
- Các nhà tài trợ quốc tế nên yêu cầu phải có các bộ qui tắc ứng xử, chương trình đào tạo và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa tham nhũng trong tất cả các dự án mà mình cấp vốn.
- Cộng đồng quốc tế nên góp sức phát triển “đường dây nóng” trên toàn quốc hoặc trang thông tin điện tử chuyên dụng để tiếp nhận các báo cáo về các hoạt động lạm dụng mua sắm công và các trường hợp tham nhũng.

41. Chỉ số hiện bao gồm các chỉ số phụ sau: chi phí tham gia vào thị trường, tiếp cận đất đai, minh bạch và tiếp cận thông tin, chi phí thời gian cho việc tuân thủ quy định pháp lý, các khoản phí không chính thức, hoạt động ủng hộ sự lãnh đạo của tỉnh, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, đào tạo lao động, các tổ chức hợp pháp và cơ sở hạ tầng. Xem chi tiết ở <http://www.pcvietnam.org/index.php?lang=en>.

PHỤ LỤC 1 – CÁC CHUẨN MỰC CỦA APEC VỀ MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ

1. Nhất quán với đoạn 1 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, mỗi nền kinh tế sẽ:

- (a) đảm bảo rằng luật, quy định và các quyết định pháp lý, các quy định hành chính, chính sách (bao gồm bất cứ sự phân biệt hoặc ưu đãi, ví dụ như cấm hoặc loại bỏ một số nhà cung cấp nhất định), thủ tục và thông lệ (bao gồm các phương pháp đấu thầu) liên quan đến hoạt động Mua sắm công (gọi chung là “quy định về đấu thầu”) được công bố một cách nhanh chóng hoặc có sẵn trên internet để các cá nhân và các nền kinh tế khác có quan tâm quen dần với chúng;
- (b) chỉ định một hoặc nhiều tờ báo chính thức và thường xuyên công bố các quy định về mua sắm công trên các báo này và có sẵn để ai quan tâm có thể sử dụng (ví dụ trên internet); và
- (c) thúc đẩy chính quyền và các cơ quan chức năng của khu vực và địa phương trong lãnh thổ của mình tuân thủ các quy định của điều này.

2. Mỗi nền kinh tế sẽ phổ biến thông tin về các quy định về mua sắm công, ví dụ, bằng cách:

- (a) công bố danh sách các bên mời thầu phải tuân thủ hoặc không phải tuân thủ theo các quy định này; và
- (b) cung cấp các quy định về mua sắm công trên Trang chủ của Nhóm các chuyên gia Mua sắm công APEC và kết nối trang chủ Mua sắm công (nếu có) với Trang chủ Nhóm Chuyên gia Mua sắm công APEC.

3. Nhất quán với đoạn 2 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, mỗi nền kinh tế, khi có thể, sẽ công bố trước các quy định về mua sắm công dự định sẽ phê duyệt, và nếu có thể, cung cấp cho các cá nhân có quan tâm cơ hội hợp lý để đóng góp ý kiến vào các dự thảo quy định này.

4. Nhất quán với đoạn 3 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, khi có yêu cầu của cá nhân hoặc nền kinh tế có quan tâm, mỗi nền kinh tế sẽ cố gắng cung cấp một cách nhanh chóng thông tin và trả lời các thắc mắc về quy định pháp luật hoặc dự thảo văn bản pháp luật. Mỗi nền kinh tế cũng sẽ lập ra các đầu mối liên lạc để nhận các yêu cầu này.

5. Nhất quán với đoạn 4 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, trong thủ tục pháp lý áp dụng đối với mua sắm công, mỗi nền kinh tế sẽ đảm bảo:

- (a) ngay khi có thể, cá nhân từ một nền kinh tế khác bị ảnh hưởng trực tiếp bởi một thủ tục pháp lý sẽ được thông báo một cách hợp lý về các quy định của nền kinh tế sở tại ngay khi thủ tục bắt đầu, bao gồm cả việc diễn giải về tính chất của thủ tục, công bố của cơ quan pháp lý thực hiện thủ tục và diễn giải chung về các vấn đề tranh cãi;
- (b) các cá nhân này được tạo cơ hội hợp lý để trình bày về sự việc và tranh luận bảo vệ cho quan điểm của họ trước khi có bất kỳ kết luận hay hành động cuối cùng nào, khi thời gian, tính chất của thủ tục, và lợi ích công cho phép; và
- (c) các thủ tục này tuân theo quy định của luật pháp của nền kinh tế sở tại.

6. Nhất quán với đoạn 5 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, mỗi nền kinh tế sẽ đảm bảo rằng có các thủ tục trong nước phù hợp để xem xét một cách nhanh chóng và sửa chữa các quyết định pháp lý, trừ những quyết định được đưa ra bởi các lý do thận trọng nhạy cảm liên quan đến các vấn đề do Các chuẩn mực này quy định:

- (a) cung cấp cho tòa án hoặc ban hội thẩm, được lập ra công bằng và độc lập, nhiệm vụ thi hành các thủ tục hành chính mà không có lợi ích liên quan nào nằm trong kết quả đầu ra của vụ việc;
- (b) cung cấp cho các bên liên quan cơ hội hợp lý để trình bày quan điểm của họ;

(c) đưa ra cho các bên liên quan một quyết định dựa trên cơ sở bằng chứng và hồ sơ, hoặc nếu luật của nước sở tại yêu cầu, hồ sơ do cơ quan hành chính biên soạn; và

(d) trong trường hợp có kháng nghị hoặc cần xem xét thêm theo luật pháp của nước sở tại, đảm bảo là các quyết định này được thực hiện bởi các cơ quan liên quan đến thủ tục hành chính và quản lý hoạt động của các cơ quan này.

7. Mỗi nền kinh tế sẽ cố gắng tối đa hóa sự minh bạch trong việc tiếp cận các cơ hội đấu thầu mua sắm. Nếu có thể, cần:

(a) đăng tải các cơ hội về đấu thầu mua sắm để nhà cung cấp có thể dễ dàng tiếp cận (ví dụ như trên mạng internet) trong trường hợp áp dụng đấu thầu rộng rãi;

(b) cung cấp thông tin về các cơ hội đấu thầu mua sắm một cách kịp thời cho tất cả các nhà cung cấp tiềm năng;

(c) công bố chi tiết thông tin liên hệ của bên mua, và yêu cầu đối với việc mua sắm hàng hóa/ dịch vụ để nhà cung cấp đã đăng ký quan tâm được thông báo kịp thời đối với các cơ hội mua sắm không được đăng tải công khai;

(d) công bố và phản hồi sớm các thông tin về nhu cầu mua sắm các gói thầu lớn theo thủ tục mua sắm nhiều giai đoạn, ví dụ như trả lời các yêu cầu về cung cấp thông tin, yêu cầu cung cấp hồ sơ dự thầu, mời tham gia sơ tuyển, và cho các nhà cung cấp quan tâm có đủ thời gian để chuẩn bị và nộp hồ sơ của mình;

(e) công khai các yêu cầu và thủ tục sơ tuyển nhà cung cấp; và

(f) các mốc thời gian đối với các giai đoạn khác nhau của quy trình mua sắm.

8. Mỗi nền kinh tế sẽ đưa ra mọi thông tin cần thiết để nhà thầu có thể chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Nếu có thể, nên:

(a) đưa vào thông báo đấu thầu các thông tin sau: tính chất của sản phẩm hay dịch vụ sẽ được mua sắm; đặc điểm kỹ thuật; khối lượng, nếu có; khung thời gian cho việc cung cấp; ngày và giờ đóng thầu; nơi mua hồ sơ mời thầu và các thông tin liên hệ chi tiết để nhà cung cấp có thể lấy thông tin;

(b) cung cấp mọi thay đổi phát sinh cho tất cả các nhà cung cấp có tham gia; và

(c) cung cấp hồ sơ mời thầu và các thông tin khác kịp thời khi nhà cung cấp có yêu cầu.

9. Mỗi nền kinh tế sẽ duy trì các tiêu chí về minh bạch cho hoạt động đánh giá hồ sơ dự thầu và quyết định nhà thầu trúng thầu theo đúng các tiêu chí này. Nếu có thể, cần:

(a) ghi rõ trong thông báo mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu tất cả các tiêu chí đánh giá, bao gồm cả các loại hình ưu tiên; và

(b) lưu giữ hồ sơ trong một khoảng thời gian phù hợp được xác định trước, đủ để chứng minh cho các quyết định được đưa ra trong quá trình đấu thầu.

10. Mỗi nền kinh tế sẽ ký kết hợp đồng một cách minh bạch. Nếu có thể, cần:

(a) công bố kết quả đấu thầu bao gồm tên của nhà thầu trúng thầu và giá trị trúng thầu; và

(b) kịp thời thông báo thông tin tối thiểu cho các nhà cung cấp không trúng thầu về kết quả hồ sơ của họ, thời gian và địa điểm công bố thông tin về nhà thầu trúng thầu, và có phản hồi cho các nhà thầu không trúng thầu nếu họ có yêu cầu.

11. Nhất quán với đoạn 11 của Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo APEC, mỗi nền kinh tế không cần tiết lộ các thông tin bảo mật nếu việc tiết lộ này có thể cản trở việc thi hành luật pháp hoặc đi ngược lại lợi ích quốc gia hay lợi ích công, hoặc làm nguy hại đến an ninh của nền kinh tế có liên quan hoặc gây tổn hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của cá nhân hay doanh nghiệp. Mỗi nền kinh tế sẽ bảo vệ các thông tin nhạy cảm về thương mại và ngăn ngừa việc sử dụng vì lợi ích cá nhân của các cán bộ thực hiện việc mua sắm, hoặc làm tổn hại đến việc cạnh tranh hiệu quả, công bằng và công khai.

PHỤ LỤC 2 – CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY LIÊN QUAN ĐẾN MUA SẮM CÔNG

Luật do Quốc hội ban hành:

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003
- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005
- Luật sửa đổi một số điều của các Luật liên quan đến Đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009.

Nghị định của Chính phủ:

- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Số 49/2007/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 quy định về các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu quy định tại điểm đ khoản 1 điều 101 của Luật xây dựng

Các Công văn của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Số 2820/BKH-QLĐT ngày 21/4/2006 về việc triển khai Luật Đấu thầu
- Số 4073/BKH-QLĐT tháng 6/2008 về hướng dẫn cung cấp thông tin cho Báo Đấu thầu
- Số 1235/BKH-QLĐT ngày 27/2/2009 Văn bản Số 1235/BKH-QLĐT Hướng dẫn lập danh mục dự án cần chỉ định thầu theo văn bản số 229/TTg -KTN

Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Số 678/2008/QĐ-BKH ngày 02/6/2008 về Chứng chỉ tham gia khóa học về đấu thầu
- Số 731/2008/QĐ-BKH ngày 10/6/2008 về việc ban hành Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp
- Số 419/2008/QĐ-BKH ngày 07/4/2008 ban hành mẫu Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu
- Số 1048/2008/QĐ-BKH ngày 11/8/2008 ban hành Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn

Các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Số 03/2009/TT-BKH ngày 16/4/2009 hướng dẫn Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư Dự án có sử dụng đất
- Số 09/2010/TT-BKH ngày 21/4/2010 quy định về lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp
- Số 10/2010/TT-BKH ngày 13/5/2010 quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu.
- Số 11/2010/TT-BKH ngày 27/5/2010 quy định chi tiết về Chào hàng cạnh tranh
- Số 08/2010/TT-BKH ngày 21/4/2010 quy định lập Báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu
- Số 06/2010/TT-BKH ngày 09/3/2010 quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn

- Số 05/2010/TT-BKH ngày 10/2/2010 quy định lập Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa
- Số 04/2010/TT-BKH ngày 01/2/2010 quy định lập Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp
- Số 03/2010/TT-BKH ngày 27/1/2010 quy định lập Hồ sơ mời thầu tuyển xây lắp
- Số 02/2010/TT-BKH ngày 19/1/2010 quy định lập Hồ sơ mời thầu xây lắp quy mô nhỏ
- Số 01/2010/TT-BKH ngày 06/1/2010 quy định lập Hồ sơ mời thầu xây lắp
- Số 03/2009/TT-BKH ngày 16/4/2009 hướng dẫn lựa chọn Nhà đầu tư

Các thông tư của các Bộ khác:

- Số 13/2006/TT-BTM ngày 29/11/2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn xuất nhập khẩu hàng hoá đối với nhà thầu trúng thầu
- Số 63/2007/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước
- Số 10/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 10/8/2007 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế công lập

Transparency International-USA

1023 15th St. NW, Suite 300

Washington, DC 20005

www.transparency-usa.org

Center for International Private Enterprise

1155 15th St NW, Suite 700

Washington, DC 20005

www.cipe.org

Tổ chức Hướng tới Minh bạch

Tầng 4,

51A Nguyễn Khắc Hiếu,

Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam